



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

21

Tháng 11 - 2009

HỘI NGHỊ ĐÔ THỊ TOÀN QUỐC NĂM 2009

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2009



Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng
phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Các đại biểu dự Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI

21

SỐ 21 - 11/2009



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 5
- Quyết định số 126/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương đối với đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển 6
- Quyết định số 129/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường” 7
- Quyết định số 1592/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn 8
- Quyết định số 1712/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên 10
- Thông tư số 192/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thí điểm việc nộp tiền sử dụng đất đối với các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP của Chính phủ 12

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

- Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế và trách nhiệm giải quyết các công việc cho tổ chức, công dân trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long 16

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:

+ Nghiên cứu bảo tồn tôn tạo và khai thác giá trị di tích khu Hoàng Thành Thăng Long – Hà Nội 18

- Hội nghị khoa học: Khoa học công nghệ phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành Vật liệu xây dựng Việt Nam 20

- Báo cáo chuyên đề: Đất đai & nhà ở - định giá bất động sản 21

- Hội thảo về quy hoạch đô thị 22

- Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 10-2009 24

- Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet 27

Thông tin

- Khai mạc Hội nghị Đô thị toàn quốc lần thứ IV tại Hà Nội 29

- Hiệp hội các đô thị Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động hưởng ứng ngày Đô thị Việt Nam 30

- Đô thị Việt Nam qua 10 năm phát triển 31

- Phối hợp liên ngành trong xây dựng chương trình đầu tư phát triển đô thị 33

- Quy hoạch phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội 37

- Chương trình xây dựng phát triển bền vững đô thị Cần Thơ 41

- Thực trạng và giải pháp quản lý chất thải rắn ở các đô thị Việt Nam 44

- Khu đô thị mới kiểu mẫu Linh Đàm - công trình kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội 47



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ngày 19/10/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2009/NĐ-CP quy định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; điều kiện uỷ quyền cấp Giấy chứng nhận; hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận.

Đối tượng áp dụng Nghị định gồm các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Việc cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo nguyên tắc: Giấy chứng nhận được cấp cho người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất theo từng thửa đất. Trường hợp người sử dụng đất đang sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối tại cùng một xã, phường, thị trấn mà có yêu cầu thì được cấp một Giấy chứng nhận chung cho các thửa đất đó; Thửa đất có nhiều người sử dụng đất, nhiều chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Giấy chứng nhận được cấp cho từng người sử dụng, từng chủ sở hữu; Giấy chứng nhận được cấp cho người đề nghị cấp giấy sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến cấp Giấy chứng nhận, trừ trường hợp không phải nộp hoặc được miễn hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp Nhà nước cho thuê đất thì Giấy chứng nhận được cấp sau khi người sử dụng đất đã ký hợp đồng thuê đất và

đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng đã ký.

Việc chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất chỉ thực hiện đối với thửa đất thuộc trường hợp được chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài được chứng nhận quyền sở hữu vào Giấy chứng nhận bao gồm nhà ở, công trình xây dựng, cây lâu năm và rừng sản xuất là rừng trồng.

Nội dung chính của Giấy chứng nhận bao gồm: Quốc hiệu, Quốc huy, tên của Giấy chứng nhận “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận.

Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư nộp hồ sơ và nhận Giấy chứng nhận tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam, cộng đồng dân cư tại phường nộp

hồ sơ và nhận Giấy chứng nhận tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Theo Nghị định, thời gian thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 50 ngày làm việc đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận lần đầu và không quá 30 ngày làm việc đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận mà có yêu cầu bổ sung chứng nhận quyền sử hữu tài sản khác gắn liền với đất hoặc cấp lại Giấy chứng nhận, không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp đổi khác. Thời gian quy định nói trên không kể thời gian công khai kết quả thẩm tra, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính, thời gian trích đo địa chính thửa đất.

Các trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận

quyền sử hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sử hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận được miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2009. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sử hữu công trình xây dựng đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì vẫn có giá trị pháp lý và được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi có yêu cầu.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 126/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương đối với đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển

Ngày 26/10/2009, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 126/2009/QĐ-TTg ban hành cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương đối với đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển. Quyết định này quy định về điều kiện, nguyên tắc, tiêu chí, loại dự án, công trình được hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đối với khu kinh tế ven biển và quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ này.

Theo đó, khu kinh tế ven biển được hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách trung ương phải đáp ứng các điều kiện: có trong quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ; được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo quy định tại Nghị

định số 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; có Ban quản lý khu kinh tế được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Các dự án, công trình được sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ bao gồm: Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông trực chính trong khu kinh tế ven biển và hệ thống giao thông kết nối khu kinh tế ven biển với hệ thống giao thông bên ngoài; Bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án, công trình đối với khu kinh tế ven biển có các dự án, công trình đầu tư mang tính động lực và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành và lĩnh vực đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định đầu tư có tổng mức vốn đầu tư đăng ký từ 20.000 tỷ đồng trở lên, khu kinh tế ven biển thành lập ở địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu kinh

tế ven biển đang triển khai đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, các dự án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ các dự án, công trình mang tính động lực và quan trọng đối với phát triển ngành và lĩnh vực; Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu nhà ở công nhân và khu tái định cư phục vụ người bị thu hồi đất trong khu kinh tế ven biển; Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, khu phi thuế quan trong khu kinh tế ven biển (bao gồm hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung).

Việc phân bổ vốn trung ương hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc chỉ phân bổ vốn cho các dự án, công trình không có khả năng thu hồi vốn; các dự án, công trình được phân bổ vốn phải phù hợp với quy hoạch xây dựng khu kinh tế ven biển đã được phê duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; việc phân bổ vốn phải tập trung, ưu tiên phân bổ cho các dự án, công trình quan trọng, cấp bách và hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2010.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 129/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường”

Ngày 29/10/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 129/2009/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường". Mục tiêu của Đề án là nhằm xây dựng và hoàn thiện một hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ, cụ thể, nhất quán về đất đai, tài chính, vốn đầu tư, nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ để khuyến khích đầu tư, đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.

Theo đó, nhóm cơ chế chính sách về quy hoạch sử dụng đất bao gồm: xác định cụ thể về diện tích, mục đích sử dụng quỹ đất xây dựng các công trình trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường; quỹ đất dành cho các công trình về môi trường phải được thể hiện chi tiết trong quy hoạch sử dụng đất ở các đô thị và các khu công nghiệp. Các khu đô thị mới quy hoạch phải dành tỷ lệ nhất định cho việc xây dựng các công trình công cộng về môi trường. Ở các vùng nông thôn, quy hoạch sử dụng đất ở phải

dành tỷ lệ nhất định cho việc xây dựng các công trình công cộng về môi trường. Thực hiện bảo vệ, tu bổ các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, rừng ngập mặn, củng cố rừng phòng hộ đầu nguồn và ven biển.

Trong nhóm cơ chế chính sách khuyến khích về đất đai, Nhà nước sẽ tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư; đất sử dụng cho việc xây dựng công trình, dự án giải quyết mục tiêu về môi trường ở đô thị, môi trường nông thôn được miễn, giảm các loại phí trước bạ, tiền thuê đất, giao đất và thuê sử dụng đất; Trong lĩnh vực khai thác tài nguyên, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất làm bãi thải để xử lý môi trường trong quá trình khai thác, tuyển chọn thì được giao, thuê đất và giảm tiền giao, thuê đất, giảm thuế sử dụng đất.

Các cơ chế chính sách khuyến khích về tài chính được đưa ra trong Đề án bao gồm việc cho phép sử dụng đất để góp vốn liên doanh xây dựng các công trình xử lý môi trường có

mục đích kinh doanh, hoặc được thế chấp vay ngân hàng để thực hiện dự án; mở rộng diện chịu thuế, các loại phí và nâng thuế suất trong các hoạt động sản xuất kinh doanh gây tác động có hại, làm ô nhiễm tài nguyên và môi trường; hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước và cho vay tín dụng lãi suất thấp hoặc không lãi suất đối với các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Theo Đề án, nhà nước sẽ tăng cường vốn đầu tư ngân sách, ưu tiên đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng nhà nước, vốn ODA cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường. Ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương theo các chương trình hỗ trợ đầu tư có mục tiêu bảo vệ môi trường trọng điểm mang tính liên ngành, liên vùng; cho phép doanh nghiệp sử dụng lợi nhuận trước thuế để đầu tư xử lý chất thải sau sản xuất; hỗ trợ vốn đầu tư bằng cách cho vay vốn không lãi suất hoặc lãi suất thấp đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường; hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ sở làng nghề trong việc thực hiện các hạng mục xử lý môi trường bằng các chương trình, dự án được vay vốn tín

dụng ưu đãi của nhà nước...

Nhà nước cũng dành ngân sách thoả đáng cho việc nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường; nghiên cứu đưa vào áp dụng công nghệ trong nước thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; hỗ trợ kinh phí hoặc trợ giá một phần cho việc đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh theo hướng sản xuất sạch hơn; sửa đổi những quy định liên quan đến việc chuyển giao công nghệ theo hướng đơn giản hoá thủ tục hành chính, giảm thuế; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào xử lý các vấn đề về môi trường; hỗ trợ nhập khẩu công nghệ mới, tiếp thu và làm chủ các công nghệ nhập khẩu; bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, quyền công bố, trao đổi, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu; phát triển hợp tác quốc tế về nghiên cứu, trao đổi khoa học công nghệ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/12/2009.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 1592/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn

Ngày 12/10/2009, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1592/QĐ-TTg về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện cuộc sống.

Đối tượng áp dụng của Quyết định này là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số

170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ, sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất theo quy định; chưa có đất ở; có khó khăn về nhà ở và nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ. Riêng đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm theo quy

định tại Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc: Hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt trực tiếp đến hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; bảo đảm đúng đối tượng, công khai, công bằng trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước; phù hợp với phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, vùng miền, giữ gìn bản sắc văn hoá của từng dân tộc; phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; hỗ trợ đất ở gắn với hỗ trợ nhà ở, thực hiện theo phương châm "nhân dân tự làm, nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ".

Các hộ được hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt phải sử dụng đúng mục đích để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống góp phần xoá đói giảm nghèo; không được chuyển nhượng, tặng, cho, cầm cố, cho thuê đất sản xuất trong thời gian 10 năm kể từ ngày được Nhà nước giao đất; hộ được cấp đất sản xuất, đất ở, nhà ở khi di chuyển đi nơi khác sinh sống (ngoài địa bàn xã, phường, thị trấn) có trách nhiệm giao đất ở, đất sản xuất đã được hỗ trợ cho chính quyền xã (phường, thị trấn) quản lý; đối với hộ di chuyển đến nơi ở mới sinh sống theo quy hoạch của Nhà nước thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở theo quy định tại Quyết định này.

Lao động được hỗ trợ một phần kinh phí để đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp phải sử dụng kinh phí đúng mục đích thông qua các cơ sở đào tạo nghề tại địa phương hoặc kết hợp với chính sách hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm tại doanh nghiệp.

Định mức đất sản xuất cho mỗi hộ căn cứ theo mức bình quân chung và tùy thuộc khả năng quỹ đất hiện còn của địa phương, nhưng tối thiểu là 0,25 ha đất ruộng lúa nước 1 vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước 2 vụ hoặc 0,5 ha đất nương, rẫy hoặc 0,5 ha đất nuôi, trồng thủy sản.

Những hộ chưa đủ đất sản xuất theo định

mức trên thì được hỗ trợ phần đất sản xuất còn thiếu. Chính quyền địa phương căn cứ nhu cầu, khả năng lao động, sản xuất của từng hộ để giao đất cho từng hộ.

Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vay tín dụng cho mỗi hộ để có đất sản xuất không quá 20 triệu đồng/hộ, trong đó ngân sách trung ương cấp 10 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng với mức không quá 10 triệu đồng/hộ trong thời gian 5 năm với mức lãi suất bằng 0%.

Các công ty nông nghiệp, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các hợp tác xã được giao nhiệm vụ tổ chức cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất sẽ được ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 10 triệu đồng/ha để khai hoang, làm đường giao thông, đầu tư lưới điện, xây dựng công trình thủy lợi nhỏ.

Hộ gia đình không có hoặc thiếu đất sản xuất so với định mức quy định, có nhu cầu nhận khoán bảo vệ hoặc trồng rừng thì được chính quyền địa phương giao khoán bảo vệ rừng hoặc đất để trồng rừng tương ứng với phần đất sản xuất thiếu so với định mức quy định. Định mức diện tích giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình tối đa không quá 30 ha/hộ hoặc diện tích đất giao trồng rừng tối đa không quá 5 ha/hộ.

Hộ nhận giao khoán bảo vệ rừng được ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền công bảo vệ rừng là 200.000 đồng/ha/năm; hộ nhận đất trồng rừng được hưởng toàn bộ sản phẩm khi khai thác và được ngân sách nhà nước hỗ trợ lần đầu vật tư, giống cây lâm nghiệp theo quy trình trồng rừng sản xuất từ 2-5 triệu đồng/ha.

Đối với hộ cư trú ở huyện nghèo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ nhận giao khoán bảo vệ rừng và trồng sản xuất, ngoài các chính sách được hưởng theo quy định còn được hỗ trợ 15kg gạo/khẩu/tháng trong thời gian chưa tự túc được lương thực (thời gian trợ cấp cụ thể do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định), 5 triệu đồng/hộ để tạo đất sản xuất lương thực trong khu vực diện tích rừng nhận khoán bảo vệ và

đất được giao trồng rừng sản xuất và được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại nhà nước để trồng rừng sản xuất.

Ngân sách trung ương hỗ trợ 3 triệu đồng/hộ và cho vay vốn tín dụng tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ trong thời gian 3 năm với mức lãi suất bằng 0% đối với những hộ có lao động nhưng không có nhu cầu học nghề mà có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ cho các hộ sản xuất nông nghiệp hoặc vốn để làm các ngành nghề khác. Đối với những lao động có nhu cầu học nghề để chuyển đổi ngành nghề được ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 3 triệu đồng/lao động. Mức hỗ trợ cho từng lao động cụ thể căn cứ vào học phí, ngành nghề và thời gian học thực tế của lao động.

Đối với lao động đi xuất khẩu được ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí học nghề bình quân 3 triệu đồng/lao động, mức hỗ trợ cụ thể được xem xét căn cứ vào học phí, ngành nghề và thời gian học thực tế của lao động. Ngoài ra, lao động đi xuất khẩu còn được vay vốn tín dụng tối đa 30 triệu đồng/người; mức vay, thời gian vay cụ thể căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của từng đối tượng.

Đối với hộ dân tộc thiểu số nghèo khó khăn về nước sinh hoạt được Nhà nước hỗ trợ bình quân 1 triệu đồng/hộ để xây dựng bể chứa nước hoặc đào giếng và tự tạo nguồn nước sinh hoạt.

Việc hỗ trợ nhà ở thực hiện theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Những hộ, lao động được xét cho vay vốn để phát triển sản xuất, chuyển đổi ngành nghề phải thuộc đối tượng được quy định tại Quyết định này và phải có phương án sản xuất, kinh doanh cụ thể được chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội cấp xã, phường xác nhận hoặc hỗ trợ gia đình lập.

Lao động đi xuất khẩu vay vốn, ngoài xác nhận của chính quyền xã (xã, phường, thị trấn) phải có xác nhận của doanh nghiệp đưa người đi xuất khẩu lao động được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động và theo chính sách hiện hành về xuất khẩu lao động.

Mỗi hộ có thể vay một lần hoặc nhiều lần nhưng tổng mức vay không được vượt quá mức quy định; được miễn phí làm thủ tục hành chính trong việc vay vốn.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 1712/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên

Ngày 23/10/2009 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1712/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên tỉnh Phú Yên (sau đây viết là KKT).

KKT có quy mô 20.730 ha, phía Bắc giáp sông Đà Rằng, phía Nam huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp hành lang cao tốc Bắc Nam dự kiến.

Đây là KKT tổng hợp thuộc tỉnh Phú Yên có hạ tầng đô thị hiện đại làm động lực phát triển cho vùng Duyên hải Nam Trung bộ; là cửa ngõ hướng biển của vùng Tây Nguyên và các tỉnh

Nam Lào cũng như Đông Bắc Campuchia và Thái Lan, trung tâm giao thương quốc tế lớn và hiện đại đóng vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng; KKT bao gồm các khu chức năng chính: Cảng biển và dịch vụ cảng biển, công nghiệp công nghệ cao, thương mại dịch vụ du lịch, các khu đô thị (KĐT) với hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật đầy đủ.

Hiện trạng dân số của KKT năm 2007: 119.361 người, dự báo dân số đến năm 2015 khoảng 145.000 người, đến năm 2025: khoảng 185.000 người.

Năm 2006 đất xây dựng đô thị trong khu vực đạt khoảng 430ha, dự báo đến năm 2015: nhu cầu sử dụng đất xây dựng tại KKT khoảng 8.155 ha, đến năm 2025 khoảng 11.548ha.

KKT Nam Phú Yên bao gồm hai khu chức năng chính là khu phi thuế quan và thuế quan.

Khu phi thuế quan có quy mô khoảng 320ha bao gồm trung tâm thương mại dịch vụ, khu công nghiệp (KCN), khu sản xuất, gia công tái chế, khu trung chuyển hàng hóa, kho bãi ngoại quan và khu vui chơi giải trí.

Khu thuế quan bao gồm:

- Khu cảng có tổng diện tích khoảng 470ha, gồm cảng Vũng Rô là cảng tổng hợp của địa phương và cảng Bãi Gốc là cảng chuyên dùng bao gồm phần cảng tự do phục vụ xuất, nhập khẩu của khu phi thuế quan và phần cảng chuyên dùng cho khu hoá dầu Hoà Tâm.

- Các KCN có quy mô khoảng 2.682ha bao gồm các KCN Hoà Hiệp 1 và 2, các KCN mới như KCN hoá dầu, KCN lọc dầu, KCN đa ngành và khu công nghệ cao.

- Trung tâm tiếp vận hàng hóa và thương mại dịch vụ đầu mối có quy mô khoảng 115ha.

- Các KĐT có quy mô khoảng 4.065ha, bao gồm: KĐT Nam Tuy Hoà, mở rộng KĐT trung tâm Hoà Vinh, KĐT dịch vụ ven biển, các khu vực dân cư hiện trạng cải tạo và tái định cư.

- Các trung tâm công cộng và hành chính được bố trí xen kẽ tại các KĐT và các khu chức năng chính trong KKT, bao gồm: Trung tâm hành chính của toàn KKT, trung tâm tổng hợp được xây dựng thành quần thể kiến trúc hiện đại làm biểu trưng cho đô thị Hoà Vinh, trung tâm đào tạo; các trung tâm y tế phục vụ khu KKT, bao gồm 2 bệnh viện đa khoa và một số trung tâm y tế; trung tâm văn hoá, TDTT; các trung tâm chuyên dụng khác được xây dựng theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành được quy hoạch gắn với các khu trung tâm của các KĐT.

- Các khu du lịch và dịch vụ du lịch sinh thái có quy mô khoảng 740ha, bao gồm các khu du lịch dọc bờ biển; tổ hợp du lịch Biển Hồ - Đập

Hàn dưới chân Đèo Cả kết hợp với các điểm di tích bao quanh hình thành nhiều loại hình du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí, tham quan.... Vùng cảnh quan bán ngập ven sông Đà Rằng, Đà Nông trong tương lai sẽ là vùng cảnh quan sinh thái đầm trũng ven sông kết hợp với dịch vụ du lịch;

- Vùng cây xanh sinh thái tập trung bảo vệ cảnh quan và rừng phòng hộ có quy mô khoảng 1.706 ha sẽ bao gồm toàn bộ dãy núi phía Nam KKT gồm các núi Hòn Bà, Đá Bia, Vũng Rô, Đèo Cả ..., các khu rừng chống sóng ven biển.

- Các công trình đầu mối hạ tầng có quy mô khoảng 150ha.

- Các khu đất phục vụ giao thông đối ngoại có quy mô khoảng 1.415ha.

Hệ thống giao thông đối ngoại KKT gồm có đường bộ, đường sắt, đường thủy và hàng không. Hệ thống đường bộ gồm có các quốc lộ 1A, 29, đường cao tốc Bắc - Nam: đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Bình Định và tuyến hành lang ven biển qua Phú Yên, hầm đường bộ Đèo Cả. Đường sắt gồm có đường sắt Thống nhất, đường sắt cao tốc Bắc - Nam (dự kiến sẽ xây dựng vào năm 2020), tuyến đường sắt Tuy Hòa - Buôn Ma Thuột. Đường thủy gồm có các cảng Vũng Rô, cảng Bãi Gốc. Đường hàng không có cảng hàng không Tuy Hòa (Đông Tác) là 1 trong 3 cảng hàng không nội địa của khu vực miền Trung.

Hệ thống giao thông nội bộ KKT gồm có đường chính, đường nội bộ và các công trình phục vụ giao thông. Đường chính là tuyến đường Hùng Vương nối dài và các tuyến đường chính tại khu vực Nam Tuy Hoà, khu hoá dầu Hoà Tâm, KĐT Hoà Vinh và các tuyến đường chính thuộc khu vực khác. Các đường nội bộ có mặt cắt ngang rộng 20 - 25 m. Các công trình phục vụ giao thông gồm có bến xe đối ngoại, hệ thống các bãi đỗ xe, các cầu vượt sông, vượt quốc lộ, các nút giao thông kết nối giao thông nội bộ KKT với hệ thống giao thông đối ngoại,... Xe buýt được chọn là phương tiện giao

thông công cộng chủ yếu với khoảng 7 tuyến đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách trong KKT.

Đối với các tuyến đường chính KKT cần thiết kế hệ thống tuynel kỹ thuật để gom các đường dây, đường ống kỹ thuật đảm bảo vận hành, duy tu, sửa chữa...

Hệ thống thoát nước mưa được quy hoạch tách riêng hoàn toàn. Hướng thoát nước chính ra mương Rút, sông Đà Rằng, sông Bàn Thạch và sông Đà Nông và thoát ra Biển Đông.

Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt đô thị khoảng 150 lít/người/ngày đêm; nguồn nước bao gồm nguồn nước mặt sông Bàn Thạch và nguồn nước của thành phố Tuy Hoà.

Cấp điện sinh hoạt áp dụng chỉ tiêu cho đô thị loại III, đợt đầu: 300 W/người, dài hạn: 500 W/người; công cộng, dịch vụ: 50 - 100 Kw/ha; cấp điện công nghiệp: 100 - 300 Kw/ha. Nguồn điện lấy từ lưới điện quốc gia khu vực miền Trung. Đến năm 2025 đảm bảo 100% tuyến đường phố chính được chiếu sáng.

Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt 120 - 150 lít/người/ngày, nước thải công cộng là 10% nước thải sinh hoạt; nước thải công nghiệp: 22 m³/ha/ngày và tính trên quy mô 80% diện tích đất công nghiệp.

Mạng lưới thoát nước thải: Khu vực đô thị sử dụng hệ thống thoát nước hỗn hợp, các khu vực làng xóm sử dụng hệ thống thoát nước chung, các KCN sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn.

Nước thải sinh hoạt đô thị (và nước thải công nghiệp) sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (và tại từng xí nghiệp) được đưa đến xử lý tại các trạm xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn theo quy định sẽ được xả vào nguồn tiếp nhận. Nước thải sinh hoạt làng xóm, cụm dân cư độc lập và khu du lịch được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại rồi xả vào hệ thống thoát nước mưa.

Chất thải rắn được thu gom và phân loại tại nguồn thải; chất thải công nghiệp, y tế được thu gom và xử lý riêng; hệ thống trạm trung chuyển sơ cấp và thứ cấp sẽ được xây dựng.

Việc Quy hoạch chung xây dựng KKT Nam Phú Yên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ góp phần quan trọng giúp KKT phát triển đúng định hướng, khai thác tối đa lợi thế sẵn có về vị trí địa lý, cảnh quan và kết cấu hạ tầng đã được đầu tư trong nhiều năm qua.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Thông tư số 192/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thí điểm việc nộp tiền sử dụng đất đối với các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP của Chính phủ

Ngày 01/10/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 192/2009/TT-BTC hướng dẫn thí điểm việc nộp tiền sử dụng đất đối với các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ.

Thông tư áp dụng đối với các chủ đầu tư cấp 1 được Nhà nước giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư xây

dựng, bao gồm: Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê, dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (không bao gồm dự án đầu tư được Nhà nước cho thuê đất).

Đối với chủ đầu tư cấp 1 là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư nhà ở để bán hoặc cho thuê thuộc đối tượng nộp tiền thuê đất một

lần cho cả thời gian thuê theo Nghị định số 84/2007/NĐ-CP được nộp tiền thuê đất như đối với nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Thông tư này.

Theo Thông tư này, chủ đầu tư cấp 1 dự án khu đô thị mới, dự án xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (gọi chung là chủ đầu tư) được nộp tiền sử dụng đất theo tiến độ thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. Căn cứ tiến độ thực hiện được ghi trong Dự án đầu tư được phê duyệt, chủ đầu tư đăng ký bằng văn bản (kèm hồ sơ dự án đã được phê duyệt) với cơ quan tài chính và cơ quan thuế địa phương kế hoạch tiến độ thực hiện dự án để làm căn cứ thu nộp tiền sử dụng đất.

Cơ quan tài chính căn cứ vào chính sách thu tiền sử dụng đất theo quy định của Chính phủ, chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan của địa phương xác định và trình UBND cấp tỉnh quyết định mức thu tiền sử dụng đất theo chính sách và giá đất theo quy định của Chính phủ tại thời điểm có quyết định giao đất; trường hợp thời điểm bàn giao đất không đúng với thời điểm ghi trong quyết định giao đất thì tiền sử dụng đất được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm bàn giao đất thực tế.

Việc nộp tiền sử dụng đất của chủ đầu tư được chia làm hai lần: lần 1, thu 70% tiền sử dụng đất tại thời điểm chủ đầu tư được phép huy động vốn của khách hàng theo quy định của Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Đất đai; lần 2 thu tiếp 30% tiền sử dụng đất còn lại sau khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng song không quá 18 tháng kể từ ngày thu nộp tiền sử dụng đất lần 1 (đối với dự án xây dựng nhà ở), 24 tháng đối với dự án xây dựng khu đô thị mới và dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới được quy hoạch cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau (diện tích xây dựng khu dân cư, công

trình dịch vụ, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội) thì thời điểm nộp tiền sử dụng đất lần 1 là thời điểm chủ đầu tư cấp 1 đã xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án. Trường hợp sau khi đã xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chủ đầu tư cấp 1 thực hiện chuyển nhượng trên 70% diện tích đất thuộc đối tượng có thu tiền sử dụng đất đã được xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật của dự án cho các chủ đầu tư cấp 2 thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chuyển nhượng phần diện tích vượt 70% chủ đầu tư phải nộp 100% tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp thời điểm thu tiền sử dụng đất lần 2 mà giá đất do UBND cấp tỉnh quy định và công bố có sự biến động tăng hoặc giảm 20% trở lên so với thời điểm giao đất thì cơ quan tài chính phải xác định lại giá đất theo giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường để tính lại 30% tiền sử dụng đất phải nộp còn lại và chuyển cho cơ quan thuế để ra Thông báo thu tiền sử dụng đất.

Trong quá trình thực hiện dự án, chủ đầu tư đã xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật hoặc đã xây dựng phần móng công trình (đủ điều kiện huy động vốn khách hàng) sớm hơn so với kế hoạch tiến độ đã đăng ký nhưng chậm báo cáo, kê khai để được tính và nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước thì mỗi ngày chậm nộp chủ đầu tư cấp 1 phải chịu phạt 0,05% tính trên số tiền sử dụng đất phải nộp kể từ ngày dự án đủ điều kiện huy động vốn của khách hàng.

Chủ đầu tư cấp 1 ứng trước tiền để bồi thường đất, hỗ trợ về đất theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được trừ số tiền bồi thường đất, hỗ trợ về đất vào tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và pháp luật về thu tiền sử dụng đất.

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang**

Ngày 5/10/2009, UBND tỉnh An Giang đã có Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Theo Quy chế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai với loại đất nào, dự án nào thì có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá đối với loại đất đó, dự án đó.

Các thửa đất được tổ chức đấu giá phải đảm bảo các điều kiện phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận mục đích sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với đất ở phải có chứng chỉ quy hoạch cho từng khu dân cư. Đối với đất xây dựng công trình phải có các thông số về mật độ xây dựng, chiều cao công trình và các thông số hạ tầng kỹ thuật khác do cơ quan có thẩm quyền quy định; đất đó đã được bồi thường giải phóng mặt bằng và có phương án đấu giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất theo Luật Đất đai có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư hoặc làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được đăng ký tham gia đấu giá khi đảm bảo các điều kiện về vốn và kỹ thuật hoặc khả năng tài chính, trừ trường hợp đấu giá đất đã chia lô làm nhà ở của hộ gia đình, cá nhân.

Một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá; một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; có hai doanh nghiệp trở lên cùng một Tổng Công ty thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá; Tổng Công ty với công ty thành viên, công ty mẹ và công ty con, các công ty liên danh, doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá.

Về xử lý tài sản, vật kiến trúc gắn liền với thửa đất đưa ra đấu giá, người trúng đấu giá giao đất có thu tiền sử dụng đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản, vật kiến trúc gắn liền với thửa đất nộp vào ngân sách nhà nước (giá trị còn lại do Hội đồng đấu giá xác định); Người trúng đấu giá thuê đất có trách nhiệm bảo quản hoặc hoàn trả giá trị tài sản, vật kiến trúc gắn liền với thửa đất nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với tài sản, vật kiến trúc gắn liền với thửa đất phải thực hiện di dời thì Hội đồng đấu giá uỷ quyền cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản nhà nước của tỉnh thực hiện bán thanh lý, nộp vào ngân sách nhà nước.

Trước khi tiến hành đấu giá tối thiểu 30 ngày, Hội đồng đấu giá phải thông báo công khai thửa đất tổ chức đấu giá ít nhất 03 lần trong thời gian 02 tuần trên phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, báo địa phương) và niêm yết công khai tại địa điểm tổ chức đấu giá, tại vị trí thửa đất, trụ sở UBND cấp xã (phường, thị trấn) và UBND cấp huyện nơi có thửa đất đấu giá. Nội dung thông báo công khai gồm:

địa điểm, diện tích, kích thước, mốc giới thửa đất, mục đích sử dụng hiện tại, quy hoạch sử dụng đất chi tiết, mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, quy hoạch xây dựng chi tiết, thời hạn sử dụng đất; thời gian, địa điểm đăng ký, thời điểm tiến hành đấu giá và các thông tin khác có liên quan đến thửa đất. Căn cứ yêu cầu, đặc điểm, quy mô của thửa đất đưa ra đấu giá, UBND tỉnh quyết định việc công bố công khai hoặc không công khai giá khởi điểm.

Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá đối với tổ chức kinh tế bao gồm: Đơn xin tham gia đấu giá theo mẫu do Hội đồng đấu giá ban hành; Bản sao có công chứng Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương tự (với tổ chức kinh tế nước ngoài) do cơ quan có thẩm quyền cấp; các loại giấy tờ chứng minh việc đảm bảo điều kiện về kỹ thuật để thực hiện dự án đầu tư hoặc làm nhà ở theo quy hoạch được duyệt; các loại giấy tờ chứng minh việc đảm bảo vốn của người tham gia đấu giá tối thiểu phải bằng 30% giá khởi điểm của gói đấu giá có giá trị trong thời hạn tối thiểu 2 tháng kể từ thời điểm nộp cho Hội đồng đấu giá.

Đối với hộ gia đình, cá nhân, hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá bao gồm: Đơn xin tham gia đấu giá theo mẫu có xác nhận thường trú của UBND cấp xã hoặc giấy xác nhận của cơ quan ngoại giao thuộc nước mà cá nhân tham gia đấu giá mang quốc tịch; Giấy chứng minh nhân dân của cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình của cá nhân, hộ gia đình tham gia đấu giá hoặc hộ chiếu (bản sao công chứng); các loại giấy tờ chứng minh khả năng tài chính của người tham gia đấu giá tối thiểu bằng 30% giá khởi điểm của gói đấu giá, trừ trường hợp đấu giá đất chia lô làm nhà ở của hộ gia đình, cá nhân.

Hội đồng sẽ thu phí đấu giá của người đăng ký tham gia đấu giá để chi phí cho việc tổ chức đấu giá, khoản thu này không hoàn trả cho người nộp, mức thu theo quyết định của UBND tỉnh ban hành theo Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh, phù hợp với thực tế của địa phương.

Mỗi đợt đấu giá có thể gồm nhiều thửa đất đưa ra đấu giá, người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu thửa đất thì đóng phí tương ứng với số thửa đất đăng ký dự đấu giá.

Người tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt cọc không quá 5% giá khởi điểm của thửa đất đưa ra đấu giá. Đối với tiền bảo lãnh (giấy bảo lãnh của ngân hàng) phải có hiệu lực tối thiểu 02 tháng. Thời gian nộp tiền đặt cọc theo thông báo trong hồ sơ đấu giá và phải nộp chậm nhất là 02 ngày trước khi phiên đấu giá chính thức tiến hành. Việc đấu giá có thể theo hình thức bỏ phiếu kín từng vòng hoặc đấu giá công khai bằng lời. Trường hợp tại phiên đấu giá, người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả thì việc đấu giá được tổ chức lại ngay và bắt đầu từ giá đã trả trước đó.

Người trúng đấu giá được xác nhận kết quả trúng đấu giá, được giao cột mốc và diện tích đất để tiến hành khai thác sử dụng đất theo mục đích quy định trong hồ sơ đấu giá sau khi đã thanh toán tối thiểu 30% giá trị trúng đấu giá. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền theo hợp đồng đã ký kết với Hội đồng đấu giá, người trúng đấu giá sẽ được cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật.

Người trúng đấu giá phải tuân thủ đúng theo quy hoạch về mục đích sử dụng, mật độ xây dựng, chiều cao công trình, các thông số hạ tầng kỹ thuật khác và tiến độ đầu tư xây dựng đã được quy định trong hồ sơ đấu giá. Thời gian phải tiến hành đầu tư xây dựng trong 12 tháng kể từ ngày người trúng đấu giá được bàn giao đất. Trường hợp có lý do kéo dài thời gian triển khai dự án phải báo cáo giải trình và phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.angiang.gov.vn)

**Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh
Vĩnh Long ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ
và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng
vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia,
lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế và
trách nhiệm giải quyết các công việc cho tổ chức,
công dân trong công tác bồi thường, hỗ trợ và
tái định cư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Ngày 5/11/2009, UBND tỉnh Vĩnh Long đã có Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế và trách nhiệm giải quyết các công việc cho tổ chức, công dân trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Quy định này quy định cụ thể về bồi thường đất, bồi thường tài sản, các chính sách hỗ trợ, bố trí tái định cư, tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Nghị định số 17/2006/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Đối tượng áp dụng của Quy định này bao gồm các Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện, thành phố; Tổ chức phát triển quỹ đất; Cơ quan quản lý Nhà nước ở các cấp tỉnh, huyện, thành phố, xã, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường, về kế hoạch và đầu tư, về xây dựng, về tài chính; cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn; Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế có đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ theo qui định; Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư; tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Đối với các công trình, dự án mà có Hiệp định tài trợ được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định được ký kết đó.

Người đang sử dụng đất có đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, 10 và 11 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và các Điều 44, 45 và 46 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP bị Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường; trường hợp không đủ điều kiện được bồi thường thì UBND tỉnh xem xét để hỗ trợ. Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới

có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất, tính theo giá đất do Nhà nước quy định tại thời điểm quyết định thu hồi đất; trường hợp bồi thường bằng việc giao đất mới hoặc giao đất ở tái định cư hoặc nhà ở tái định cư, nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thanh toán bằng tiền.

Trường hợp người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với nhà nước theo quy định của pháp luật, thì phải khấu trừ vào tiền bồi thường, hỗ trợ (không khấu trừ vào tiền bồi thường tài sản; tiền hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm). Trường hợp số tiền phải nộp lớn hơn hoặc bằng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất thì chỉ trừ tối đa bằng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất.

Trường hợp người được sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật nhưng tự ý

sử dụng làm đất phi nông nghiệp thì chỉ được bồi thường theo đất nông nghiệp. Người được sử dụng đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) theo quy định của pháp luật, nhưng tự ý sử dụng làm đất ở thì chỉ được bồi thường theo đất phi nông nghiệp trừ trường hợp đất phi nông nghiệp được sử dụng trước ngày 01/ 7/ 2004 của tổ chức kinh tế do được giao đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng theo dự án; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân không phải do Nhà nước giao, cho thuê thì tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được tiếp tục sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích phi nông nghiệp, không phải nộp tiền sử dụng đất khi được phép chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở, được bồi thường về đất theo giá đất ở khi Nhà nước thu hồi đất.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.vinhlong.gov.vn)



Nghiệm thu đề tài:

Nghiên cứu bảo tồn tôn tạo và khai thác giá trị di tích khu Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội

Ngày 5/11/2009, Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu bảo tồn tôn tạo và khai thác giá trị di tích khu Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội” do Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn thực hiện.

Năm 2003, khi những kết quả khảo cổ học tại khu vực khai quật Ba Đình được công bố để tiến tới việc xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (Mới), thì những vấn đề về bảo tồn di tích Hoàng Thành đã thực sự trở nên nóng bỏng và đòi hỏi những phương án khả thi cấp thiết để cứu di tích. Gần 14.000m² được khai quật đã đánh thức và làm thay đổi một số quan niệm trong lĩnh vực sử học về Thăng Long. Đã có nhiều Hội thảo khoa học toàn quốc về đánh giá và đề xuất phương án bảo tồn, phát huy giá trị di tích Hoàng Thành Thăng Long (HTTL), nhưng đến nay vẫn chưa có 1 nghiên cứu đánh giá tổng hợp nhất về kiến trúc và các thành phần kiến trúc cũng như các trang trí mỹ thuật. Vì thế, nội dung của đề tài này tập trung nghiên cứu và đánh giá những vấn đề nói trên. Bên cạnh đó nhóm nghiên cứu còn đưa ra phương án bảo tồn, tôn tạo những di tích có giá trị, khai thác cũng như quản lý trên lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, ThS.KTS Vũ Đình Thành đã trình bày báo cáo tóm tắt kết quả đề tài.

Theo những ghi chép lịch sử trước đây, từ năm 1010 đến năm 1028, dưới thời Lý, thành Thăng Long đã dần hình thành 3 vòng thành: Vòng thành ngoài cùng là thành Đại La; Vòng thành giữa là Hoàng Thành, Vòng thành trong

cùng gọi là Cấm Thành. Đối chiếu với bản đồ Hà Nội hiện nay với bản đồ Hà Nội thời Nguyễn, nhóm nghiên cứu đã chỉ ra ranh giới HTTL trên mặt bằng hiện trạng được xác định nằm trên khuôn viên Quận Ba Đình, giới hạn bởi:

- Phía Bắc giáp đường Phan Đình Phùng.
- Phía Nam giáp đường Trần Phú.
- Phía Đông giáp đường Lý Nam Đế.
- Phía Tây giáp đường Lê Hồng Phong.

Trong đó, tại vị trí 18 Hoàng Diệu được phát hiện năm 2003 đã được các nhà khoa học hàng đầu của Việt Nam về lịch sử, khảo cổ và văn hoá đều nhất trí xác định khu di tích này chính là bộ phận nằm trong Cấm Thành tức khu trung tâm của HTTL và ở phía tây Điện Kính Thiên, nay vẫn còn nằm trong khu thành cổ Hà Nội.

Khi khai quật khảo cổ học (KCH) tại khu di tích HTTL đã tìm thấy rất nhiều loại hình di tích kiến trúc của nhiều thời kỳ, đây là dấu tích nền móng của các cung điện, lầu các trong khu vực Cấm Thành xưa, được nhận biết rõ qua hệ thống mặt bằng kiến trúc gồm nền nhà, sân gạch, chân tảng đá, trụ móng, cột gỗ và xung quanh các kiến trúc còn có hệ thống đường thoát nước, đường đi và giếng nước. Các kiến trúc đó được bố trí thành nhiều tầng, lớp, với các toà ngang dãy dọc rất công phu, khoa học. Việc phát hiện số lượng lớn các loại hình vật liệu cao cấp trang trí trên mái kiến trúc, mang tính vương quyền như: đầu rồng, đầu phượng, ngói úp nóc trang trí lá đề hình rồng, phượng hay các loại ngói ống có in hình nổi hoa sen.... đã cho thấy các cung điện xưa ở đây từng được xây dựng rất công phu và tráng lệ. Kết quả khảo cổ cũng cho thấy có nhiều sáng tạo

trong xử lý nền móng như: gia cố trụ móng bằng sỏi, đất, gạch trên nền đất yếu. Kỹ thuật xây dựng giếng, vỉa nền, sản xuất vật liệu, gạch, ngói... là những kinh nghiệm dân gian quý báu có thể khai thác khi phục chế, tu bổ, tôn tạo công trình cổ. Với tất cả các giá trị đó, khu di tích HTTL đạt tầm cỡ Di sản Quốc gia đặc biệt và hội tụ đủ tiêu chí để được đánh giá là Di sản Văn hóa thế giới.

Do các thành phần kiến trúc nằm trong ranh giới của HTTL trên mặt bằng hiện trạng ngày nay thuộc các thể loại khác nhau. Nên cần căn cứ theo đặc điểm từng khu vực để đề xuất bảo tồn cụ thể và chi tiết. Giải pháp bảo tồn theo định hướng: Lấy ranh giới khu vực bảo tồn theo bản đồ thành Hà Nội thời Nguyễn, giới hạn tại 4 đường như đã nêu ở trên, ngoài ra phải khôi phục lại cảnh quan của thành Hà Nội, giữ lại những công trình kiến trúc xác định có giá trị văn hoá, lịch sử, cách mạng. Dỡ bỏ toàn bộ nhà tạm, nhà cấp 4, công trình ảnh hưởng đến cảnh quan không có giá trị, quy hoạch sân vườn trên những phần đất phá dỡ. Đảm bảo giữ nguyên hiện trạng mạng lưới giao thông, các công trình tôn giáo tín ngưỡng, công trình xây dựng thời Pháp thuộc và các di tích, di vật khảo cổ học, hạn chế mật độ xây dựng, các công trình xây dựng cao tầng, sát khu vực di tích tránh xây quá cao với chiều cao của Nhà Quốc hội mới, để có tầm nhìn bao quát cho khu vực bảo tồn. Hạn chế tối đa số lượng nhà dân trong khu vực, tiến hành khảo sát kiểm kê các công trình hiện có, trên cơ sở đó phân loại theo chức năng, quy mô, kiến trúc... nhằm phục vụ việc thiết lập bảo tồn quy hoạch chi tiết. Đối với những công trình cần thiết phải tiếp tục xây mới thì cần có quy chế cụ thể cho thể loại, chức năng công trình được phép xây dựng. Cần quy định cụ thể về các vấn đề liên quan tới kiến trúc công trình xây dựng nhằm không làm ảnh hưởng đến khu di tích về vị trí công trình, quy mô, số tầng cao, hình thức kiến trúc, màu sắc, bảo tồn cảnh quan đảm bảo yếu tố hài hòa cho tổng thể khu vực. Đối với các di tích cần thiết phải tu bổ, phải

lập hồ sơ hiện trạng chi tiết và có đánh giá từ đó có giải pháp phù hợp, nhưng vẫn đảm bảo tính nguyên trạng. Những di tích xuống cấp, mai một, hư hỏng, không có giá trị kiến trúc và cảnh quan thì đề xuất chụp ảnh, đánh dấu trên bản đồ tổng thể lưu làm tư liệu và cho phá bỏ.

Để có thể quản lý di tích một cách có hiệu quả và thông suốt yêu cầu đặt ra là phải thống nhất về một mối. Hơn nữa, đây là một khu di tích lớn và có giá trị vì vậy cần thiết thành lập Ban Quản lý di tích Thành cổ Hà Nội và khu di tích trung tâm HTTL nằm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND Tp.Hà Nội; Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế trên lĩnh vực bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích; Xây dựng các ban cố vấn với sự tham gia của chuyên gia về các lĩnh vực thuộc các Bộ ngành liên quan để góp ý cho các dự án quy hoạch bảo tồn, tu tạo và khai thác khu di tích, ngoài ra, còn phải xây dựng đội ngũ cán bộ có chuyên môn vững và tăng cường công tác tuyên truyền về khu di tích.

Việc bảo tồn khu di tích Hoàng Thành không chỉ phục vụ công tác nghiên cứu, học tập, phổ biến kiến thức cho người dân về di sản, trong tương lai, các di tích trong Thành cổ Thăng Long – Hà Nội, khi đã được quy hoạch và tu bổ tôn tạo, sẽ hợp thành một vùng tham quan du lịch quan trọng và hấp dẫn, tạo ra thế mạnh cho việc phát triển du lịch văn hóa của Thủ đô Hà Nội, góp phần quan trọng đưa Hà Nội vào danh sách điểm đến của thế giới. Đây là nhân tố ảnh hưởng lớn trong việc khuyến khích ngành du lịch trong nước đi lên theo hướng chuyên nghiệp và thu hút được nhiều lợi ích từ bên ngoài.

Theo đánh giá của Hội đồng, đây là một đề tài tương đối khó và phức tạp, nội dung đề tài phù hợp với mục tiêu đề ra, song vẫn còn một số điểm cần bổ sung để đề tài được hoàn chỉnh hơn nữa.

Với kết quả thu được, đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá.

Bích Ngọc

Hội nghị khoa học: “Khoa học công nghệ phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành Vật liệu xây dựng Việt Nam”

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Viện Vật liệu xây dựng (1969 - 2009), ngày 30/10/2009, tại Hà Nội, Viện đã tổ chức Hội nghị khoa học: “Khoa học công nghệ phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành Vật liệu xây dựng Việt Nam”.

Tham dự Hội nghị có GS.TS Nguyễn Mạnh Kiểm- nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng, TS. Trần Văn Huỳnh - Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, ông Đinh Quang Huy - Chủ tịch Hiệp hội Gốm sứ Việt Nam, ông Nguyễn Văn Thiện - Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam, đại diện lãnh đạo Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Bộ Xây dựng, các chuyên gia, các nhà khoa học trong lĩnh vực công nghệ VLXD, các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh VLXD.

Hội nghị được tổ chức nhằm báo cáo một số kết quả nghiên cứu của Viện VLXD trong giai đoạn 2005 - 2009, đồng thời thảo luận về các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giai đoạn tới phục vụ cho sự phát triển của ngành Công nghiệp VLXD.

Theo báo cáo của Viện VLXD, trong giai đoạn 2005 - 2009, công tác nghiên cứu khoa học công nghệ của Viện diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế của đất nước thay đổi theo hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng. Trong 5 năm qua, mặc dù ngành Công nghiệp VLXD có những biến động lớn, song đã có bước tăng trưởng nhảy vọt về đầu tư sản xuất và tiêu thụ: Số dự án xi măng được đầu tư xây dựng từ năm 2005 – 2009 là 50 dự án với tổng công suất thiết kế xấp xỉ 54 triệu tấn xi măng, tăng trưởng tiêu thụ và sản lượng xi măng tăng đều với tốc độ 11,4%/năm; Sản lượng gạch ceramic trong giai đoạn 2004-2008 tăng trưởng xấp xỉ 16,3%/năm; Sản lượng kính xây dựng tăng



TS. Thái Duy Sâm - Viện trưởng Viện VLXD phát biểu khai mạc Hội nghị

trung bình 14,6%/năm; Sản lượng vật liệu xây dựng bình quân tăng trưởng 9,4%/năm.

Trong thời gian qua, Viện VLXD đã hoàn thành được 3 quy hoạch lớn về VLXD trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, giúp 25 tỉnh xây dựng quy hoạch phát triển VLXD của các tỉnh. Biên soạn mới và soát xét 97 tiêu chuẩn quốc gia, gồm 20 tiêu chuẩn về xi măng; 24 tiêu chuẩn về gốm sứ, thủy tinh; 24 tiêu chuẩn về vật liệu chịu lửa; 19 tiêu chuẩn về vật liệu hữu cơ và hoá phẩm xây dựng; 8 tiêu chuẩn phương pháp phân tích hoá học. Ngoài ra Viện cũng đã thực hiện gần 50 đề tài khoa học phục vụ phát triển, thuộc các lĩnh vực như: xi măng và bê tông; vật liệu hữu cơ và hoá phẩm xây dựng; gốm sứ, thủy tinh, vật liệu chịu lửa; nghiên cứu tái chế, tái sử dụng phế thải...

Sự phát triển nhanh về đầu tư, sản xuất các sản phẩm VLXD đã đáp ứng được đòi hỏi của thị trường, góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế và sự phát triển chung của xã hội, tuy nhiên nó cũng làm nảy sinh những vấn đề cần giải quyết để đảm bảo phát triển bền vững như: phát thải CO₂, làm ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất, tạo ra các chất thải rắn, phá hoại cảnh quan thiên nhiên.

Phát biểu tại Hội nghị, ông Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng đã đề nghị Viện VLXD tiếp tục đẩy mạnh các chương trình nghiên cứu hoàn thành kế hoạch và chiến lược KHCN 2001 - 2010 và xây dựng chiến lược KHCN của năm 2010 - 2020, hướng tới những vấn đề liên quan tới môi trường, trong đó có công tác phát triển công nghệ xanh, giảm tối đa phát thải khí CO₂, hạn chế và tái sử dụng chất thải công nghiệp, do trước đây còn trong điều kiện khó khăn đã sử dụng và cần có phương án xử lý và thay thế, ngoài ra cũng cần định hướng sản xuất vật liệu mới, vật liệu cao cấp thay thế cho các vật liệu nhập ngoại, nhằm phục vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo cho sự phát triển ổn định kinh tế - xã hội.

Tại Hội nghị này, Viện VLXD cũng giới thiệu những công trình nghiên cứu điển hình của Viện trong giai đoạn 2005 - 2009 như: Nghiên cứu và ứng dụng bê tông chịu lửa thay thế sản phẩm nhập ngoại; Nghiên cứu chế tạo hệ thống lò quay nung clanhke xi măng công suất 2.500 tấn clanhke/ ngày; Nghiên cứu tái chế phế thải làm nguyên liệu cho ngành VLXD...

Theo TS. Thái Duy Sâm - Viện trưởng Viện VLXD, mặc dù đã có nhiều cố gắng và đạt được một số kết quả trong những năm qua, song



Các đại biểu tham dự Hội nghị

đứng trước sự phát triển mạnh mẽ của ngành VLXD hiện nay, Viện VLXD luôn ý thức phải nâng cao năng lực, cập nhật thông tin, thay đổi cơ chế hoạt động để phát triển công tác nghiên cứu triển khai đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn. Thông qua Hội nghị này, những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lý sẽ giúp Viện có định hướng tốt hơn cho công tác nghiên cứu và phát triển, có cơ hội để nhận được sự giúp đỡ từ các nhà quản lý, cộng tác với tất cả các nhà khoa học và đơn vị sản xuất nhằm phát triển công tác nghiên cứu khoa học phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành Công nghiệp VLXD Việt Nam.

Bích Ngọc

Báo cáo chuyên đề:

“Đất đai & nhà ở - định giá bất động sản”

Ngày 3/11 tại Hà Nội, Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC) và Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản Bộ Xây dựng đã phối hợp tổ chức buổi Báo cáo chuyên đề: “Đất đai & nhà ở - định giá bất động sản” với sự trình bày của các chuyên gia hàng đầu đến từ Cộng hoà Pháp trong lĩnh vực bất động sản (BĐS), gồm GS. Alain Bechade - Giảng viên Đại học CNAM, GS. Philippe Malaquin - Giảng viên Đại học Paris và GS. Patrick Bertin - Ủy viên Hội đồng quản trị Công

ty Les Nouveaux Constructeurs, Giám đốc công ty cổ phần PBSARL, là giảng viên thỉnh giảng về lĩnh vực quản lý đất đai tại các trường đại học của Pháp.

Tham dự buổi Báo cáo chuyên đề có ông Vũ Văn Thái - Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Biên chế Bộ Nội Vụ, ông Phạm Trung Tuyển - Vụ trưởng, trưởng Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường BĐS, ông Phạm Văn Khánh - Vụ trưởng Vụ Kinh tế Xây dựng Bộ Xây dựng, bà Nguyễn

Thị Hoà - Phó Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường BĐS, ông Phạm Xuân Điều - Giám đốc Học viện cùng các học viên đến từ các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng, các tổ chức cá nhân hoạt động trong lĩnh vực phát triển và kinh doanh BĐS.

Thị trường BĐS là một trong những thị trường có vị trí và vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Thị trường BĐS có quan hệ trực tiếp với các thị trường khác như thị trường tài chính tín dụng, thị trường chứng khoán, thị trường xây dựng, thị trường vật liệu xây dựng, thị trường lao động...

Đối với Việt Nam, với sự ra đời của Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh BĐS và hàng loạt văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này của Chính phủ, của Bộ Xây dựng và các Bộ ngành liên quan, có thể thấy về cơ bản đã hình thành khung pháp lý quan trọng, tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển và quản lý thị trường BĐS. Tuy nhiên, nghiệp vụ định giá BĐS - một dịch vụ quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh BĐS ở Việt Nam còn khá mới mẻ. Định giá BĐS như thế nào cho sát giá thị trường, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người sở hữu BĐS là một vấn đề khó khăn hiện nay.

Tại buổi báo cáo chuyên đề, các chuyên gia của Pháp đã chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp và giới thiệu cho các học viên về những nguyên tắc cũng như phương pháp định giá các loại BĐS, bao gồm định giá đất (đất xây dựng, đất

nông nghiệp, lâm nghiệp), định giá công trình (nhà ở riêng lẻ, chung cư, công trình thương mại, văn phòng, cửa hàng...), định giá công trình cho thuê, định giá quyền sử dụng đất và thế chấp quyền sử dụng đất...; công tác quy hoạch đô thị của CH Pháp (các giai đoạn phát triển quy hoạch, chính sách quy hoạch, phương pháp quy hoạch, công cụ quy hoạch); cưỡng chế thu hồi đất và các vấn đề kinh tế - tài chính liên quan đến BĐS...

Những kinh nghiệm mà các chuyên gia của CH Pháp chia sẻ tại Hội thảo đã được các học viên hết sức quan tâm. Các học viên cũng đã đặt ra nhiều câu hỏi thảo luận và được các báo cáo viên giải đáp tận tình về các nội dung như phương thức định giá BĐS hình thành trong tương lai, công tác đền bù khi thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, quyền mua trước của chính quyền, phương thức giao dịch BĐS, vai trò của công chứng viên trong giao dịch nhà đất, giải pháp thực hiện và quản lý quy hoạch...

Buổi báo cáo chuyên đề của các chuyên gia CH Pháp đã đem đến những thông tin rất bổ ích, giúp các nhà quản lý, kinh doanh BĐS của Việt Nam tiếp cận kinh nghiệm quốc tế, góp phần hoàn thiện chính sách quản lý thị trường bất động sản cũng như tiến tới chuyên nghiệp hoá công tác định giá BĐS ở Việt Nam.

Minh Tuấn

Hội thảo về quy hoạch đô thị

Nhân chuyến thăm Việt Nam của Hoàng gia Đan Mạch từ 2 - 6/11/2009 và để thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác giữa Việt Nam - Đan Mạch, đặc biệt trong việc trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực quy hoạch đô thị, ngày 4/11/2009, Đại sứ quán Đan Mạch đã phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội tổ chức Hội thảo về quy hoạch đô thị để nghe GS.KTS Jan Gehl -

chuyên gia về thiết kế quy hoạch đô thị của Đan Mạch thuyết trình.

Đến dự Hội thảo có bà Carina Christensen - Bộ trưởng Bộ Văn hoá Đan Mạch, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn, Phó Chủ tịch UBND Tp. Hà Nội Nguyễn Văn Khôi, các nhà quản lý, chuyên gia của Việt Nam trong lĩnh vực quy hoạch, giao thông ...

GS. Jan Gehl là chuyên gia tư vấn chất lượng thành phố và đã tư vấn quy hoạch cho nhiều thành phố trên thế giới, như London (Vương quốc Anh), Copenhagen (Đan Mạch), Stockholm (Thụy Điển), Oslo (Na Uy), Edinburgh (Xcốtlen), Sydney (Úc), Riga (Latvia)..., gần đây nhất là New York, San Francisco và Seattle (Mỹ). Các ý tưởng và phương pháp tiếp cận của GS. Jan Gehl là thiết kế không gian công cộng bao gồm công nghệ mà không làm mất đi những gì hỗ trợ tốt nhất và nâng cao kinh nghiệm của người dân về cuộc sống thường ngày trong lĩnh vực công cộng.

Theo ông, một nhà kiến trúc sư giỏi phải giải quyết được vấn đề tâm lý của những người sống trong đô thị, hay làm việc (ở) trong một công trình; kiến trúc sư giỏi phải có những ý tưởng kết hợp được quy hoạch và con người.

Không còn vỉa hè cho người đi bộ, đường phố toàn ô tô, phương tiện giao thông là hình ảnh của nhiều đô thị. Vấn đề mà GS. Jan Gehl đặt ra không khỏi khiến chúng ta phải suy nghĩ. Theo quan sát của ông tại nhiều đô thị trên thế giới, khi hệ thống giao thông trở nên chật chội, người ta làm thêm đường hay làm thêm chỗ đỗ xe. Tuy nhiên, không vì thế mà đường sá sẽ thông thoáng hơn, chỗ đỗ xe thoải mái hơn. Ngược lại, việc đầu tư vào hệ thống giao thông như một lời mời người dân mua sắm thêm ô tô.

Theo GS. Jan Gehl, hạn chế phương tiện giao thông là việc làm cần thiết. Kinh nghiệm có được từ thành phố Copenhagen, nơi ông sinh sống, qua 47 năm cải tiến và phát triển, các khu phố đi bộ đã thay thế cho các đường phố đầy xe cộ. Các phương tiện giao thông bị đẩy ra các khu vực xung quanh, bãi đỗ xe cũng vậy. Mỗi năm, số lượng bãi đỗ xe trong thành phố lại giảm đi, càng ngày người ta càng thấy việc đỗ xe càng khó khăn. Thiếu đi sự thuận tiện, dần dà người dân không muốn mua và sử dụng xe ô tô riêng nữa.

Đáng chú ý, biện pháp này của chính quyền thành phố đã không làm cản trở sự phát triển,

Copenhagen vẫn là một thành phố phát triển vượt bậc về thương mại.

Bên cạnh đó, chính quyền thành phố Copenhagen còn hỗ trợ người dân mua xe đạp, xây dựng văn hóa đi xe đạp, tạo dựng những không gian an toàn cho người đi xe đạp như bố trí các làn đường riêng. GS. Jan Gehl cho biết, khi quá nhiều người đi xe đạp thì cũng sẽ nảy sinh một số vấn đề như tắc nghẽn giao thông vì xe đạp hay lấn sang phần đường của các phương tiện khác. Tuy nhiên, theo quy hoạch đã công bố và được người dân bỏ phiếu, Copenhagen phấn đấu đến năm 2015, 20% người dân của thành phố sẽ chuyển sang đi bộ.

GS. Jan Gehl cũng đưa ra thông điệp: Chọn vấn đề nào để giải quyết trước luôn là "vấn đề"

Các đô thị đều phải quy hoạch để đô thị của mình chống chọi, đương đầu với những thách thức của biến đổi khí hậu, đương đầu với những mặt trái của sự tăng trưởng kinh tế nhanh. Điều này ví như con người ngay từ khi còn trẻ đã quan tâm đến sức khỏe thì khi về già sẽ phải trả ít viện phí hơn.

Hà Nội cũng như nhiều đô thị khác đều rất đông dân, có hệ thống giao thông đa phương tiện. Quy hoạch cần dự đoán được trước các giai đoạn để có ứng xử phù hợp, cần nghiên cứu để xác định khu vực nào phù hợp với cái gì như nơi nào thì xây dựng tập trung các công trình cao tầng, nơi nào xây dựng hệ thống xe buýt nhanh, nơi nào làm đường sắt trên cao...

GS. Jan Gehl cho rằng, nếu Hà Nội tiếp tục để tình trạng giao thông hỗn loạn như hiện nay thì sẽ có hậu quả khôn lường. Cần có những chính sách, phương án kịp thời để giao thông tốt lên từng ngày, tạo ra sự thay đổi mà người dân có thể cảm nhận, nhìn thấy hàng ngày. Hà Nội đang xây dựng tuyến tàu điện ngầm nhưng cần 10-15 năm nữa thì dự án này mới phát huy tác dụng. Trong quãng thời gian đó, không thể chờ đợi mà cần tiến hành ngay việc nâng cấp hệ thống giao thông công cộng hiện thời.

Về không gian công cộng trong thành phố,

GS. Jan Gehl cũng cho rằng, Hà Nội có thể làm ngay lập tức việc tái tạo những không gian để sử dụng cho công cộng. Ông nói: "Tôi nhìn thấy ở Hà Nội có nhiều công viên hình tam giác, có thể sử dụng hiệu quả, thậm chí có thể kết nối với tòa nhà ở gần đó". Quảng trường trước Nhà hát lớn được GS. Jan Gehl đánh giá là "tuyệt đẹp", chỉ cần "tích tắc" là có thể tạo ra một không gian tuyệt vời ở khu vực này.

GS. Jan Gehl đánh giá cao hiệu quả của sáng kiến tuyến phố đi bộ vào các tối cuối tuần trên các phố Hàng Ngang, Hàng Đào... như

hiện nay Hà Nội đang làm. Ông góp ý, Hà Nội nên mở rộng các tuyến phố đi bộ, ngày chủ nhật có thể "đóng cửa" vài khu phố, không cho phương tiện giao thông đi lại mà chỉ dành riêng cho người đi bộ.

Kết thúc hội thảo, GS. Jan Gehl đã tặng Sở Kiến trúc - Quy hoạch Hà Nội các tài liệu Báo cáo quy hoạch của một số thành phố trên thế giới như Sydney, Riga, New York, San Francisco và Seattle...

Minh Tâm

Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 10-2009

Trong tháng 10/2009 đã có 25 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra Quyết định công nhận và cho phép đi vào hoạt động:

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty CP tư vấn kiểm định XD Nam Á 131/52 Kinh Dương Vương, P.12, Q.6, Tp. HCM	LAS-XD 835	QĐ số 431/QĐ-BXD ngày 05/10/2009 có hiệu lực đến: 05/10/201
2	Phòng TN VLXD và kiểm định chất lượng công trình thuộc Liên hiệp KHCN địa chất nền móng và kiểm định XD Số 376 Đường Tên Lửa, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp. HCM	LAS-XD 426	QĐ số 432/QĐ-BXD ngày 05/10/2009 có hiệu lực đến: 05/10/2012
3	Phòng TN vật liệu XD thuộc Cty CP tư vấn-kiểm định - XD Toàn Phúc Số 4A Phan Đình Phùng, P.6, TX Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	LAS-XD 500	QĐ số 433/QĐ-BXD ngày 05/10/2009 có hiệu lực đến: 05/10/2012
4	Phòng TN cấu kiện và VLXD thuộc Chi nhánh Cty CP tư vấn XD Nguyễn Minh Số 43 Đường 23/8, Khóm 2, P.7, TX Bạc Liêu	LAS-XD 836	QĐ số 434/QĐ-BXD ngày 05/10/2009 có hiệu lực đến: 05/10/2012
5	Phòng TN vật liệu XD thuộc Trung tâm tư vấn và kiểm định XD Vĩnh Long - Sở XD Vĩnh Long Số 80 Trần Phú, P.4, Tp. Vĩnh Long.	LAS-XD 137	QĐ số 435/QĐ-BXD ngày 05/10/2009 có hiệu lực đến: 05/10/2012

6	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN vật liệu XD và kiểm định công trình thuộc Cty CP tư vấn đầu tư và XD Việt Nam Số 4 Tập thể Viện KH vật liệu, Ngõ 252 Hoàng Quốc Việt, Q.Cầu Giấy, Hà Nội,	LAS-XD 542	QĐ số 438/QĐ-BXD ngày 09/10/2009 có hiệu lực đến: 19/5/2010
7	Phòng TN thuộc Cty Việt Bắc, Bộ Quốc phòng, P.Tân Thịnh, TP. Thái Nguyên	LAS-XD 214	QĐ số 439/QĐ-BXD ngày 09/10/2009 có hiệu lực đến: 09/10/2012
8	Phòng TN - Trung tâm kiểm định chất lượng công trình XD Hà Gian Tổ 9, P.Nguyễn Trãi, TX. Hà Giang, Tỉnh Hà Giang	LAS-XD 465	QĐ số 440/QĐ-BXD ngày 09/10/2009 có hiệu lực đến: 09/10/2012
9	Phòng TN địa kỹ thuật thuộc Cty CP tư vấn thiết kế và XD Minh Việt Số 205 Lý Nam Đế, P. Tân Quang, TX. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	LAS-XD 837	QĐ số 441/QĐ-BXD ngày 09/10/2009 có hiệu lực đến: 09/10/2012
10	Phòng TN kiểm định - Cty CP phát triển Đại Việt Số 19 Trần Bình Trọng, Tp. Pleiku, Gia Lai	LAS-XD 479	QĐ số 444/QĐ-BXD ngày 15/10/2009 có hiệu lực đến: 12/10/2010
11	Phòng TN và kiểm định XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư XD 686 Số 55 Tổ 2, P. Nguyễn Du, Tp. Hà Tĩnh	LAS-XD 846	QĐ số 446/QĐ-BXD ngày 15/10/2009 có hiệu lực đến: 15/10/2012
12	Trung tâm TN xây dựng - Cty CP tư vấn XD 818 Khối Yên Giang- P. Vĩnh Tân, Tp. Vinh, Nghệ An	LAS-XD 469	QĐ số 447/QĐ-BXD ngày 15/10/2009 có hiệu lực đến: 15/10/2012
13	Phòng TN kiểm định XD thuộc Cty CP kiến trúc và XD thương mại MEKONG Miền Tây Lô A223-224 Khu dân cư 91B, P. An Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	LAS-XD 841	QĐ số 450/QĐ-BXD ngày 19/10/2009 có hiệu lực đến: 19/10/2012
14	Trung tâm TN vật liệu và kiểm định chất lượng CTXD BAECCO thuộc Cty TNHH tư vấn kỹ thuật Bách Khoa Số 14/24 Đường số 9, KP1, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. HCM	LAS-XD 838	QĐ số 451/QĐ-BXD ngày 19/10/2009 có hiệu lực đến: 19/10/2012
15	Phòng TN vật liệu XD thuộc Cty TNHH tư vấn XD Kiến Quốc Số 299 Đường Man Thiện, P. Hiệp Phú, Q.9, Tp.HCM	LAS-XD 477	QĐ số 452/QĐ-BXD ngày 19/10/2009 có hiệu lực đến: 19/10/2012

16	Phòng TN vật liệu XD và kết cấu CT thuộc Trung tâm kiểm định và dịch vụ XD - Sở XD Kiên Giang Số 745B Nguyễn Trung Trực, P. An Hoà, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	LAS-XD 299	QĐ số 453/QĐ-BXD ngày 19/10/2009 có hiệu lực đến: 19/10/2012
17	Phòng TN xây dựng thuộc Cty CP tư vấn và kiểm định XD Sao Mộc Số 11 Đường S4, Tây Thạnh, Tân Phú, Tp.HCM	LAS-XD 467	QĐ số 454/QĐ-BXD ngày 19/10/2009 có hiệu lực đến: 19/10/2012
18	Trung tâm thử nghiệm cơ lý đất - VLXD - hoá thuộc Cty CP Phổ Minh Số 22 khu Quân Nhân, P. Thống Nhất, Tp. Nam Định	LAS-XD 192	QĐ số 455/QĐ-BXD ngày 19/10/2009 có hiệu lực đến: 13/10/2012
19	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn ĐT & XD công trình Bắc Nam Số 117 QL3, Phủ Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	LAS-XD 844	QĐ số 457/QĐ-BXD ngày 21/10/2009 có hiệu lực đến: 20/10/2012
20	Phòng TN - kiểm định xây dựng A&G thuộc Cty TNHH thí nghiệm - kiểm định XD A&G Phòng 101 Nhà A1, Tập thể Bê tông xây dựng, Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội	LAS-XD 843	QĐ số 458/QĐ-BXD ngày 21/10/2009 có hiệu lực đến: 20/10/2012
21	Phòng TN kiểm định XD thuộc Cty CP xây dựng Hương Sơn Xóm sau, Vân Hội, Tam Dương, Vĩnh Phúc	LAS-XD 842	QĐ số 459/QĐ-BXD ngày 21/10/2009 có hiệu lực đến: 20/10/2012
22	Phòng TN thuộc Cty CP đầu tư và tư vấn xây dựng ADCOM Phòng 1602, Toà nhà 24T2, Trung Hoà - Nhân Chính, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	LAS-XD 437	QĐ số 460/QĐ-BXD ngày 22/10/2009 có hiệu lực đến: 22/10/2012
23	Phòng khảo sát địa chất và thí nghiệm VLXD - Cty tư vấn XD công trình giao thông Quảng Ngãi Số 07 Trần Quang Diệu, Tp. Quảng Ngãi	LAS-XD 218	QĐ số 462/QĐ-BXD ngày 26/10/2009 có hiệu lực đến: 26/10/2012
24	Phòng TN kiểm tra không phá huỷ thuộc Cty TNHH dịch vụ kỹ thuật Việt Nam Số 17 Lý Nam Đế, P. Phước Long, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	LAS-XD 845	QĐ số 463/QĐ-BXD ngày 26/10/2009 có hiệu lực đến: 26/10/2012
25	Phòng TN giao thông xây dựng thuộc Cty TNHH Đồng Tâm - Đông Triều Cụm công nghiệp Kim Sơn, Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	LAS-XD 858	QĐ số 467/QĐ-BXD ngày 28/10/2009 có hiệu lực đến: 02/11/2012

Huỳnh Phước

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Trung Quốc triển khai các dự án điện hạt nhân mới

Theo tin Tân Hoa xã, ngày 4/11 vừa qua, phát biểu tại Diễn đàn Năng lượng Trung Quốc 2009, ông Wang Binghua - Chủ tịch Công ty Công nghệ năng lượng hạt nhân quốc gia cho biết, việc thiết kế và xây dựng giai đoạn 1 của 3 nhà máy điện hạt nhân ở Trung Quốc đã bắt đầu được triển khai. Các địa điểm xây dựng nhà máy nằm sâu trong đất liền gồm thành phố Xian'ning thuộc tỉnh Hồ Bắc, thành phố Taohuaijiang tỉnh Hồ Nam và thành phố Pengze tỉnh Giang Tây.

Xây dựng thêm các nhà máy điện hạt nhân là việc cần thiết để giải quyết tình trạng thiếu hụt năng lượng và ô nhiễm môi trường của Trung Quốc.

Khu vực nằm sâu trong đất liền của Trung Quốc có diện tích rộng lớn đang có nhu cầu về điện hạt nhân để phát triển kinh tế, đặc biệt là đối với những vùng khan hiếm tài nguyên than và nước.

Theo kế hoạch, các dự án điện hạt nhân mới nói trên sẽ đi vào hoạt động từ năm 2013, được áp dụng công nghệ lò phản ứng nước áp lực AP1000 tiên tiến nhất của hãng Westinghouse, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về an toàn và môi trường. Công suất lắp đặt điện hạt nhân của Trung Quốc theo dự kiến sẽ đạt 70 triệu kW vào năm 2020, 200 triệu kW vào năm 2030 và 400 triệu kW vào năm 2050, chiếm tương ứng 7%, 15% và 22% tổng công suất điện của Trung Quốc. Hiện nay, Trung Quốc có thể tự thiết kế và xây dựng một số nhà máy điện hạt nhân và có khả năng tự thiết kế các nhà máy điện hạt nhân sử dụng công nghệ lò phản ứng nước áp lực có công suất trên 1 triệu kW. Ngoài 3 dự án nói trên, Trung Quốc cũng đang xây dựng 12 dự án điện hạt nhân khác với tổng công suất 34,76 triệu kW.

<http://news.xinhuanet.com>

Malaysia phát triển các vùng ngoại ô để giảm ùn tắc giao thông đô thị

Theo tin Tân Hoa xã ngày 9/11 - Tại buổi họp báo được tổ chức sau Ngày nhà ở Thế giới 2009 và Ngày Quy hoạch đô thị thế giới năm 2009, Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Chính quyền địa phương của Malaysia - ông Kong Cho Ha cho biết, Chính phủ Malaysia sẽ tăng cường tạo việc làm và phát triển công nghiệp ở các vùng ngoại ô của đô thị nhằm giảm bớt tình trạng ùn tắc trong đô thị và kiềm chế tốc độ đô thị hoá.

Tỷ lệ đô thị hoá của Malaysia đã tăng từ 55,1% năm 1995 lên 61,8% vào năm 2000 và ước tính sẽ đạt 75% vào năm 2020, tạo ra nhiều thách thức đối với Chính phủ Malaysia. Do hệ quả của việc người dân di cư từ ngoại ô vào đô thị, Chính phủ phải giải quyết nhiều vấn đề như tình trạng ùn tắc giao thông đô thị, ô nhiễm môi trường và sự thiếu ổn định của nền kinh tế. Trong khi không thể chấm dứt được tình trạng nhập cư vào đô thị, Chính phủ Malaysia còn phải đảm bảo cung cấp đủ cơ sở hạ tầng cho những cư dân đô thị mới.

Bộ trưởng Kong Cho Ha cũng cho biết, để giảm bớt tình trạng ùn tắc giao thông đô thị, sắp tới Bộ Nhà ở và Chính quyền địa phương sẽ ban hành Văn bản hướng dẫn xây dựng các thành phố an toàn, các vấn đề như phòng ngừa tội phạm, phòng chống lũ lụt và phân luồng giao thông sẽ được đưa vào nội dung của Văn bản hướng dẫn, tuy nhiên ông cũng nhấn mạnh, yếu tố quan trọng nhất là ý thức tuân thủ của cộng đồng.

Ngày Nhà ở Thế giới ngày 5/10 năm nay với chủ đề "Quy hoạch tương lai đô thị của chúng ta", còn ngày Quy hoạch đô thị Thế giới được kỷ niệm vào 8/11 hàng năm. Cả hai sự kiện này đều nhằm mục tiêu tăng cường nhận thức của cộng đồng nhằm đảm bảo môi trường sống tiện nghi và hiệu quả cho mỗi người.

<http://news.xinhuanet.com>

Ảnh hưởng của phản ứng kiềm-silic/sự hình thành ettringite đối với sự làm việc của các bu-lông neo chôn sẵn

Tác giả: Sungjin Bae, Oguzhan Bayrak, James O.Jirsa, Richard E. Klingner

Tạp chí Kết cấu - Viện Bê tông Mỹ (ACI) số 6/2009

Tóm tắt:

Tại bang Texas (Mỹ), nhiều móng cọc khoan nhồi của các cột đèn chiếu sáng cao áp được xây dựng từ cuối thập niên 1980 đã bị hư hại do phản ứng kiềm-silic (ASR) và sự hình thành ettringite chậm (DEF). Để nghiên cứu những ảnh hưởng của ASR và DEF đối với sự làm việc của các bulông neo chôn sẵn để liên kết cột với móng, người ta đã thực hiện 6 thí nghiệm hiện trường nguyên mẫu tại Houston. Trong nghiên cứu này, 2 loại móng cọc khoan nhồi được kiểm tra: loại móng với 16 bulông neo đỡ các cột đèn cao 46m và các móng có 20 bulông neo để đỡ cột đèn cao 53m. Một trong số móng cọc khoan nhồi được thí nghiệm có 20 bulông neo được sửa chữa bằng cách bọc quanh móng các tấm polime cốt sợi cacbon. Các mô hình đứt gãy và cơ chế truyền tải trọng đã được khảo sát, đồng thời các nhà nghiên cứu đã phát triển các thiết kế hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn của ACI cho các loại bulông neo nói trên.

<http://www.concrete.org>

Nghiên cứu ứng xử uốn của các dầm bê tông cốt thép sử dụng cốt liệu tái chế

Tác giả: Gholamreza Fathifazl, A.G. Razaqpur, O. Burkan Isgor, Abdelgadir Abbas

Tạp chí Kết cấu - Viện Bê tông Mỹ (ACI), số 6/2009

Tóm tắt:

Trong bài giới thiệu một phương pháp cấp phối mới được sử dụng để khảo sát ứng xử uốn của các dầm bê tông cốt thép sử dụng cốt liệu thô tái chế (RCA). Trong phương pháp này, RCA được xem như loại vật liệu 2 pha bao gồm vữa phế thải và cốt liệu tự nhiên; vì vậy, khi cấp phối hỗn hợp, khối lượng và đặc điểm của mỗi pha được nghiên cứu riêng. Một số dầm bê tông cốt thép được chế tạo và thí nghiệm với các cấp phối theo phương pháp mới để nghiên cứu các hiện tượng võng, nứt, chảy, mô men, chiều rộng vết nứt, kiểu nứt, các mô hình phá huỷ. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, ở các trạng thái giới hạn và phục vụ, ứng xử uốn của các dầm sử dụng cốt liệu tái chế được cấp phối theo phương pháp mới có thể tương đương với các dầm bê tông sử dụng cốt liệu tự nhiên truyền thống, đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành về thiết kế chịu uốn của dầm bê tông cốt thép.

<http://www.concrete.org>

Biên tập tin: Quỳnh Anh - Minh Tuấn

CHÀO MỪNG NGÀY ĐÔ THỊ VIỆT NAM 8-11

Khai mạc Hội nghị Đô thị toàn quốc lần thứ IV tại Hà Nội

Ngày 6/11 tại Hà Nội, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị đô thị toàn quốc lần thứ IV nhằm đánh giá quá trình phát triển của đô thị Việt Nam trong 10 năm (1999-2009), công bố Quyết định số 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 758/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2020.

Tham dự Hội nghị có đồng chí Nguyễn Sinh Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị - Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, Ủy viên Trung ương Đảng - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, lãnh đạo các Bộ ngành Trung ương, lãnh đạo các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các chính quyền đô thị trên toàn quốc, các tổ chức quốc tế song phương và đa phương, các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các nhà quản lý, chuyên gia, các nhà khoa học về phát triển đô thị, các doanh nghiệp phát triển đô thị. Phó thủ tướng Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng đã có bài phát biểu chỉ đạo quan trọng tại Hội nghị.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã đánh giá, trong 10 năm qua, thực hiện Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020, công tác phát triển đô thị Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp đáng kể cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hệ thống đô thị Việt Nam phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, diện mạo đô thị đã có những thay đổi theo chiều hướng ngày một



Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng phát biểu chỉ đạo Hội nghị

hiện đại hơn, văn minh hơn, chất lượng cuộc sống của người dân đô thị cũng được nâng lên. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và xây dựng đô thị thường xuyên được rà soát, bổ sung hoàn thiện và đi vào cuộc sống. Năng lực quản lý và phát triển đô thị của đội ngũ cán bộ chuyên môn cũng như lãnh đạo các chính quyền đô thị không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển mở rộng của các đô thị cùng với tốc độ đô thị hoá nhanh cũng cho thấy những yếu kém, bất cập về công tác quản lý đô thị, quản lý xây dựng theo quy hoạch và chưa theo kịp với đòi hỏi của thực tiễn. Những bất cập, tồn tại có thể thấy ở nhiều lĩnh vực, nhiều cấp độ như quy hoạch hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải rắn, môi trường đô thị, kiến trúc - cảnh quan... và liên quan đến nhiều đối tượng: cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền đô thị, doanh nghiệp và người dân đô thị.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân, Hội nghị này là dịp tốt để nhìn nhận lại những thành tựu quan trọng trong công tác quản lý và phát triển đô thị, qua đó tiếp tục phát huy, đánh giá

những bất cập và học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế để rút kinh nghiệm trong thực tiễn phát triển đô thị của Việt Nam.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng đã định hướng Hội nghị thảo luận về vấn đề quy hoạch đô thị, di cư, tái định cư, cơ chế chính sách... Phó Thủ tướng nêu rõ, phát triển đô thị là một công tác tổng hợp, liên quan đến các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, truyền thống, quá khứ, hiện tại và tương lai. Trong quá trình quy hoạch phát triển đô thị phải xem xét toàn diện các yếu tố đó. Mặt khác, công tác phát triển đô thị cần phải gắn liền với xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở quy hoạch tổng thể vùng, liên vùng và toàn lãnh thổ. Quy hoạch xây dựng phải đi trước, có tầm nhìn xa cho hàng chục thậm chí cả trăm năm sau. Đội ngũ làm công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, phát triển đô thị phải là những người tài giỏi, có tầm nhìn chiến lược, từ đó đòi hỏi vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý, xây dựng và phát triển đô thị cần được chú trọng. Một vấn đề nữa là cần xây dựng các cơ chế, thể chế nhằm huy động lực lượng, các



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát biểu khai mạc Hội nghị

nguồn lực để triển khai thành công các ý tưởng quy hoạch để xây dựng các đô thị văn minh, hiện đại, chất lượng đô thị và chất lượng cuộc sống của người dân đô thị ngày được nâng lên tốt hơn, phục vụ cho việc xây dựng đất nước ta trở thành nước công nghiệp phát triển.

Tại Hội nghị này, Bộ Xây dựng cũng đã phát động quyên góp chia sẻ những khó khăn với đồng bào miền Trung và Tây Nguyên bị thiệt hại trong cơn bão số 9 và số 11 vừa qua.

Minh Tuấn

Hiệp hội các đô thị Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động hưởng ứng ngày Đô thị Việt Nam

Ngày 20/10/2008 Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 1519/QĐ-TTg lấy ngày 8/11 hàng năm là “Ngày Đô thị Việt Nam” và tổ chức lần đầu tiên vào ngày 8/11/2008.

Để hưởng ứng ngày Đô thị Việt Nam (ĐTVN) 8/11/2009, Hiệp hội các đô thị Việt Nam đã đẩy mạnh các hoạt động và đã đạt được những kết quả khích lệ.

Hiệp hội đã tích cực tham gia các hoạt động của các Bộ, ngành Trung ương nhằm góp ý xây dựng các văn bản pháp luật, thúc đẩy các hoạt động giúp các đô thị phát triển; tìm kiếm mọi cơ hội, mọi nguồn lực nhằm đẩy mạnh các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức các đô thị, giúp các đô thị phát triển

toàn diện bền vững, thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội đã quy định trong điều lệ và các nhiệm vụ khác.

Hoạt động đào tạo đã được Hiệp hội đẩy mạnh hơn như tổ chức các cuộc hội thảo, đào tạo ngắn hạn và tập huấn trong nước, tranh thủ đưa cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài, xuất bản các loại ấn phẩm, mở trang tin điện tử của Hiệp hội, triển khai các dự án lớn do EU tài trợ; ngoài ra Hiệp hội đã mở rộng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác góp phần nâng cao vị thế của đất nước và uy tín của Hiệp hội trên trường quốc tế như củng cố vững chắc các mối quan hệ với Liên đoàn đô thị Canada, phát triển quan hệ hợp tác với Viện KAS CHLB Đức, tham gia tích

cực các hoạt động của Liên minh đô thị và chính quyền địa phương quốc tế (UCLG), hợp tác với Liên minh quyền nhà ở châu Á (ACHR) để xây dựng quỹ phát triển cộng đồng ở các đô thị cũng như với các tổ chức quốc tế khác.

Để hưởng ứng ngày ĐTVN năm 2009, Hiệp hội đã phát động phong trào thi đua “Đô thị sạch - năm 2009” với 12 tiêu chí cụ thể gồm:

1. Toàn đô thị tổ chức lễ phát động thi đua và có ít nhất 80% số xã, phường, thị trấn tổ chức lễ phát động thi đua năm đô thị;
2. Có nhiều hình thức, hoạt động tuyên truyền, cổ động cho phong trào thi đua;
3. Có nhiều sáng kiến làm sạch đô thị;
4. Các đường phố được quét dọn sạch sẽ, toàn dân không vứt và đổ rác ra đường;
5. Tỷ lệ thu gom và vận chuyển rác thải ra khỏi nội thành, nội thị hàng ngày đạt từ 80% khối lượng trở lên;
6. Tỷ lệ xã, thị trấn có đội thu gom rác đạt từ 70% trở lên;
7. Số thùng rác đặt tại nơi công cộng trên 1.000 dân;
8. Tỷ lệ đường nội thành, nội thị được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt từ 75% diện tích trở lên;
9. Tỷ lệ đường thôn, làng, xóm, ấp, bản được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt từ 60% diện tích trở lên;
10. Tỷ lệ hè phố ở nội thành, nội thị lát gạch hoặc bê tông hoá đạt từ 70% diện tích trở lên;
11. Tỷ lệ doanh nghiệp có xử lý nước thải đạt từ 50% trở lên;
12. Số các cơ sở sản xuất có ô nhiễm môi trường ở nội thành, nội thị có ít nhất;

Các đô thị đã hưởng ứng nhiệt liệt đợt thi đua “Đô thị sạch - năm 2009” và triển khai đến tận phường, xã. Nhiều đô thị đã tiến hành tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, lập kế hoạch cụ thể để các cấp các ngành ra sức thực hiện nhằm đạt tiêu chí “Đô thị sạch - năm 2009”. Đợt thi đua đã có tác dụng tốt gây được ý thức cho mọi tầng lớp nhân dân, tăng cường trách nhiệm của chính quyền, các đoàn thể... trong việc đóng góp làm cho đô thị sạch. Đến nay phong trào xây dựng “Đô thị sạch” đã đạt được một số kết quả thiết thực, các cụm đô thị đã tiến hành bình bầu các đô thị nổi trội trong phong trào thi đua để Hiệp hội khen thưởng trong dịp kỷ niệm Ngày ĐTVN 8/11/2009. Việc làm này đã có tác dụng tích cực làm cho Ngày ĐTVN càng có thêm ý nghĩa.

Tại Lễ kỷ niệm ngày ĐTVN 8/11/2009 diễn ra tại Hà Nội vừa qua đã có 10 đô thị trong cả nước được khen thưởng là đạt tiêu chí “Đô thị sạch - năm 2009”, đó là Hà Nội, Bắc Ninh, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, Hoà Bình, Huế, Vinh, Sơn La, Việt Trì và Thái Nguyên.

Trên cơ sở những thành tích đã đạt được trong phong trào thi đua “Đô thị sạch - năm 2009”, nhân ngày ĐTVN năm nay, Hiệp hội các đô thị Việt Nam đã phát động phong trào thi đua mới “Xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp” nhằm nâng lên một bước toàn diện hơn trong công cuộc xây dựng đô thị Việt Nam phát triển bền vững.

Huỳnh Phước

Đô thị Việt Nam qua 10 năm phát triển

Ngày 20/10/2008, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã ban hành Quyết định số 1519/QĐ-TTg lấy ngày 8/11 là “Ngày Đô thị Việt Nam”. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình đô thị hóa, quy hoạch, đầu tư, phát triển và quản lý đô thị, khẳng định vai trò quan trọng của hệ thống đô thị trong sự nghiệp CNH - HĐH đất nước.

Qua 10 năm thực hiện Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020, hệ thống đô thị Việt Nam cơ bản có nhiều thay đổi, phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Nhiều đô thị cũ được cải tạo, nâng cấp, được phát triển mở rộng về quy mô

đất đai, dân số, đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật như đường sá, cầu cống, cấp điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường...

Trong quá trình phát triển 10 năm qua, hệ thống đô thị Việt Nam đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. Dân số đô thị tăng từ 18,3 triệu người (năm 1999) lên gần 26 triệu người năm 2009. Tốc độ tăng trưởng dân số đô thị trung bình trên toàn quốc là 3,4%/năm. Tỷ lệ đô thị hoá tăng từ 20,7% lên khoảng 30%. Tính đến cuối quý III/2009, toàn quốc có 754 đô thị, trong đó có 2 đô thị loại đặc biệt (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh), 7 đô thị loại I, 14 đô thị loại II, 45 đô thị loại III, 40 đô thị loại IV, 646 đô thị loại V. Ngoài ra còn có khoảng 10.000 điểm dân cư nông thôn và gần 200 khu công nghiệp tập trung sẽ là quỹ phát triển đô thị trong tương lai.

Các đô thị có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội, là động lực phát triển không chỉ của các tỉnh mà còn góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tăng trưởng kinh tế đô thị trung bình đạt 12-15% mỗi năm. Nguồn thu từ đô thị, đặc biệt là của các thành phố lớn chiếm tỷ lệ quan trọng trong cơ cấu GDP của cả nước.

Năm 1999, cả nước có 105 dự án phát triển nhà ở và đã tạo được hơn 9 triệu m² nhà ở. Năm 2000 tạo được khoảng 11 triệu m² nhà ở, riêng 4 thành phố lớn gồm Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng đạt 3,3 triệu m². Giai đoạn này việc phát triển nhà ở theo dự án, nhà ở chung cư cao tầng, mô hình khu đô thị mới với đầy đủ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã tạo được niềm tin đối với doanh nghiệp phát triển nhà, với nhiều dự án nhà ở được triển khai có hiệu quả, bắt đầu từ dự án khu đô thị mới Linh Đàm của TCty đầu tư phát triển nhà và đô thị Bộ Xây dựng (HUD). Luật Nhà ở (2005) và Luật Kinh doanh bất động sản (2006) ra đời đã mở ra một trang mới về phát triển đô thị theo các dự án khu đô thị mới. Tính đến tháng 6/2009, diện tích nhà ở trên toàn quốc là 1.058,271 triệu m², trong đó diện tích nhà ở đô

thị là 320,722 triệu m², diện tích nhà ở bình quân đầu người của toàn quốc là 12,2m².

Công tác quy hoạch xây dựng cũng được đẩy mạnh, đến nay đã có 46/64 tỉnh, thành đã lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, toàn bộ 93 thành phố, thị xã được lập quy hoạch chung xây dựng đô thị, 589/622 thị trấn có quy hoạch xây dựng (95%).

Ngày 03/9/2002, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 112/2002/QĐ-TTg phê duyệt định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2020. Từ đó, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc đô thị đã từng bước được xây dựng, ban hành khá đồng bộ, tạo tiền đề cho việc thiết lập trật tự xây dựng và phát triển kiến trúc đô thị. Nội dung công tác thiết kế đô thị cũng được đưa vào quá trình lập quy hoạch xây dựng, các cơ quan quản lý kiến trúc quy hoạch của các địa phương đã được thành lập. Trong 10 năm từ 1999 -2009, nền kiến trúc Việt Nam phát triển nhanh với sự xuất hiện ngày càng nhiều các quần thể kiến trúc, mảng đô thị hiện đại, ứng dụng nhanh công nghệ thiết kế tiên tiến của thế giới.

Được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ ngành và chính quyền các địa phương cùng với sự tài trợ của các tổ chức quốc tế và nhiều nước trên thế giới, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị như giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, cây xanh, chiếu sáng ... của các đô thị đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và phát triển khá nhanh, làm thay đổi diện mạo các đô thị, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống ở đô thị, xoá đói giảm nghèo...

Tuy nhiên, theo báo cáo của Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng, cùng với sự phát triển nhanh và mạnh mẽ của các đô thị, cũng đã xuất hiện một số bất cập như sự mất cân đối về phân bố các loại đô thị; diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp trong quá trình đô thị hoá; quỹ nhà ở chưa đáp ứng được nhu cầu nhà ở cho

cán bộ, công chức, viên chức, công nhân khu công nghiệp, sinh viên các trường đại học và người có thu nhập thấp ở đô thị; cơ sở hạ tầng bị quá tải, nhất là hạ tầng giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn; ô nhiễm môi trường do bụi và tiếng ồn; công tác quản lý kiến trúc, cảnh quan chưa được quan tâm đúng mức, tại nhiều đô thị còn tình trạng kiến trúc lộn xộn và thiếu bản sắc...

Trong những năm qua, để từng bước hạn chế và khắc phục những tồn tại trong phát triển đô thị, Bộ Xây dựng đã tham mưu, trình Chính

phủ ban hành các Nghị định, ban hành theo thẩm quyền các Thông tư trong các lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, kiến trúc, quy hoạch đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý các khu đô thị mới, phát triển nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, sinh viên và người thu nhập thấp ở đô thị, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng đô thị...

Minh Tuấn

Nguồn: "B/C đánh giá tình hình PTĐT giai đoạn 1999-2009 của Cục Phát triển đô thị BXD"

Phối hợp liên ngành trong xây dựng chương trình đầu tư phát triển đô thị

I. Thực trạng hạ tầng đô thị Việt Nam

Việt Nam hiện có 754 đô thị, trong đó 2 đô thị loại đặc biệt (Hà Nội & TP HCM); 7 đô thị loại I; 14 đô thị loại II; 45 đô thị loại III; 40 đô thị loại IV; 646 đô thị loại V. Hệ thống đô thị phân bố chưa hợp lý và chưa đồng đều.

Mặc dù trong những năm qua, Nhà nước đã ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng đô thị chiếm khoảng 13,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, nhưng đến nay hệ thống hạ tầng đô thị vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hoá của đất nước.

Hệ thống giao thông đô thị ở các thành phố lớn, các khu vực đô thị phát triển chưa được quy hoạch và đầu tư hoàn chỉnh; kết nối với mạng giao thông chung quốc gia chưa phù hợp. Nạn ùn, tắc giao thông thường xuyên xảy ra.

Số lượng và chất lượng vận tải công cộng tại các đô thị lớn còn yếu kém, chưa phù hợp và chưa đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân. TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh mới chỉ có phương tiện vận tải công cộng bằng xe buýt với số lượng vận tải đạt khoảng 15-20% nhu cầu, phương tiện đi lại trong đô thị của người dân chủ yếu bằng xe máy cá nhân.

Tổng công suất cấp nước đô thị theo thiết kế đạt 5,48 triệu m³/ngày.đêm; khai thác đạt 4,2 triệu m³/ngày.đêm bằng 76,6% công suất thiết

kế; tỷ lệ thất thoát trung bình khoảng 32%; tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch bình quân chỉ đạt khoảng 65% (các đô thị lớn đạt từ 75-90%, đô thị loại V chỉ đạt khoảng 50-60%).

Phần lớn các đô thị đều có hệ thống thoát nước chung cho cả nước mặt và nước thải; hầu hết nước thải đều chưa được xử lý hoặc mới chỉ được xử lý sơ bộ chưa đạt tiêu chuẩn quy định; hầu hết các đô thị còn thiếu hệ thống thu gom và các trạm xử lý nước thải tập trung. Đến nay mới có 17 đô thị có trạm xử lý nước thải, nhưng độ che phủ mới chỉ đạt 10-15% diện tích nội đô, có 11 đô thị khác đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

Mới chỉ có 16/64 tỉnh/thành phố có bãi chôn lấp rác được thiết kế xây dựng hợp vệ sinh nhưng hầu hết chưa đồng bộ và vận hành không đúng quy trình, không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định.

Hệ thống cây xanh, công viên đô thị còn chưa được quan tâm đầu tư; tỷ lệ đất cây xanh, công viên đạt rất thấp so với tiêu chuẩn quy định (Hà Nội 5,3 m²/người; TP Hồ Chí Minh 3,5m²/người); hệ thống khung thiên nhiên trong đô thị như địa hình, mặt nước bị suy giảm.

Dân số đô thị tăng nhanh (nhất là tại các đô thị lớn) đã làm quá tải hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội. Việc quy hoạch và đầu tư phát

triển hạ tầng đô thị chậm hơn so với tốc độ phát triển kinh tế, xã hội và tăng dân số đô thị; phát triển đô thị chưa phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên (nhất là đất đai, nguồn nước); đặc biệt là tình trạng yếu kém và lạc hậu của hệ thống giao thông, nhà ở, thoát nước thu gom xử lý nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn.

Do vốn đầu tư thuộc NSNN còn hạn hẹp và chưa có cơ chế huy động, tạo vốn phù hợp và hiệu quả nên kết cấu hạ tầng đô thị không đồng bộ, chưa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật: Hệ thống giao thông; cấp, thoát nước; thu gom, xử lý nước thải, chất thải, vệ sinh môi trường; công trình công cộng, nhà ở... còn thiếu và chắp vá; nhiều khu nhà chung cư bị lún nứt, nguy hiểm khi sử dụng còn chưa được cải tạo nâng cấp hoặc xây dựng lại; nhà tạm còn chiếm tỷ lệ cao. Tình trạng ô nhiễm nước, không khí ở một số khu vực đô thị đang ở mức báo động.

Quy hoạch phát triển đô thị chưa phù hợp với thực tế nên thường xuyên phải điều chỉnh. Giữa quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác còn có sự chống chéo, không thống nhất. Quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị còn thiếu kiên quyết.

Chưa khuyến khích được các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia cung cấp dịch vụ hạ tầng đô thị. Việc chỉnh trang đô thị và nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị thực hiện chưa được nhiều, chưa đáp ứng được nhu cầu. Việc huy động các nguồn vốn ngoài Nhà nước cho đầu tư phát triển hạ tầng còn rất hạn chế. Các Dự án hạ tầng quy mô lớn hầu hết được đầu tư từ nguồn vốn ODA.

Vì vậy, trong thời gian tới cần có kế hoạch và giải pháp cụ thể để ĐTXD, hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển, nhất là phục vụ cho việc triển khai thực hiện những dự án phát triển sản xuất kinh doanh lớn, quan trọng của đất nước.

Chính phủ đã đề ra các định hướng chủ yếu; các Bộ, Ngành, địa phương đã đề xuất các

chương trình, đề án phát triển hạ tầng giao thông và đô thị. Tuy nhiên cần có cơ chế chính sách về vốn và nguồn vốn đầu tư, cơ chế tài chính cụ thể để thu hút được sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư.

Trong thời gian gần đây có nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đã thực hiện nhiều dự án đầu tư kinh doanh khu đô thị mới, nhà ở, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại, một vài dự án đường bộ vành đai đô thị, một số dự án cấp nước đô thị và đang triển khai thực hiện một số dự án xử lý chất thải rắn đô thị. Một số nhà đầu tư cũng đã quan tâm xúc tiến đầu tư các dự án giao thông đô thị. Nguồn vốn ODA đã được tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị quy mô lớn và hạ tầng kỹ thuật, xã hội các đô thị nghèo.

II. Định hướng của nhà nước về phát triển kết cấu hạ tầng trong những năm tới

1. Mục tiêu chung đến năm 2020, tầm nhìn sau năm 2020

Xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống hạ tầng đô thị, cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp. Giải quyết cơ bản việc thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, vệ sinh môi trường ở các đô thị từ loại 4 trở lên, các khu công nghiệp, các làng nghề và các khu đô thị, khu dân cư tập trung đang có nguy cơ bị ô nhiễm. Cải tạo nâng cấp và phát triển giao thông đô thị hợp lý, hiện đại, nhất là tại các đô thị trực thuộc Trung Ương; Xây dựng các tuyến tàu điện ngầm tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Phát triển các khu đô thị mới, đi đôi với việc chỉnh trang, nâng cấp các khu đô thị hiện có; xóa nhà tạm và các khu nhà ở chung cư đã xuống cấp không an toàn cho người sử dụng tại các đô thị. Tập trung đầu tư các dự án hạ tầng đô thị quy mô lớn đáp ứng: nhu cầu phát triển, lộ trình hội nhập, giao thương kinh tế quốc tế.

2. Những mục tiêu chủ yếu đến năm 2020

Thực hiện đầu tư 2 tuyến tàu điện ngầm tại Hà Nội và TP. HCM đã được cam kết vốn của các nhà tài trợ, xúc tiến nguồn vốn để đầu tư 14 tuyến quan trọng khác của 2 TP này. Huy động

các nguồn vốn ngoài nhà nước để đầu tư các tuyến đường bộ khu vực, các tuyến vành đai của các TP lớn trực thuộc TW.

Điều chỉnh: Quy hoạch chung xây dựng các đô thị; định hướng phát triển cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; định hướng chiến lược quản lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường tại các đô thị và KCN, KCX, KCNC, KKT Việt Nam.

Hoàn thành các điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đến năm 2020 của các đô thị từ loại 4 trở lên.

Huy động các nguồn lực để nâng cao độ phủ kín quy hoạch chi tiết xây dựng tại các đô thị được phê duyệt, đảm bảo quy hoạch đi trước một bước phục vụ yêu cầu của các nhà đầu tư.

Đến năm 2010: nhà ở đô thị đạt 15m²/người (hiện nay là 13m²/người); Đô thị từ loại III trở lên 100% số dân được cung cấp nước sạch với tiêu chuẩn 150 lít/người/ngày, đô thị loại IV cung cấp đủ nước sạch cho 90% số dân với tiêu chuẩn 120 lít/người/ngày, đô thị loại V cung cấp đủ nước sạch cho 80% dân số với tiêu chuẩn 100lít/người/ngày; Các đô thị từ loại III trở lên có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, tỷ lệ phục vụ đạt 80-90% diện tích; Nước thải các đô thị từ loại III trở lên và tại các KCN, KCX, KCNC, KKT được thu gom và xử lý (hiện nay tỷ lệ đô thị từ loại III trở lên có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường là 8%; tỷ lệ KCN, KCX, KCNC, KKT có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường là 50%); Tỷ lệ thu gom và xử lý hợp vệ sinh: chất thải sinh hoạt và công nghiệp đạt 90- 100% (hiện nay tỷ lệ thu gom đạt 80%, tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh đạt khoảng 20%), chất thải y tế đạt 100% (hiện nay tỷ lệ thu gom đạt 90%, tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh đạt 75%).

III. Nguồn lực phát triển

Nguồn vốn ODA: Xúc tiến các quan hệ hợp tác quốc tế đa phương và song phương, thu hút các nguồn vốn ODA cho phát triển đô thị với các cơ chế ưu đãi hợp lý.

Phân tích hiệu quả tài chính cụ thể của từng dự án để có thể đầu tư kết hợp giữa các nguồn

vốn ODA, vay IBRD, vay OCR để tăng thêm nguồn vốn cho các Dự án hạ tầng quy mô lớn.

Với sự tài trợ và hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Chính sách và Phát triển nguồn nhân lực Nhật Bản (JPHRD), nhóm chuyên gia nước ngoài và trong nước đã đưa ra những dự báo đáng tin cậy phát triển đô thị Việt Nam đến 2020.

Đến nay hầu hết các tỉnh, thành phố đều đã có các dự án đầu tư phát triển đô thị bằng nguồn vốn ODA, trong đó các tổ chức như Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB) và JICA Nhật Bản đã cho Việt Nam vay tới 40% tổng vốn đầu tư vào các dự án thuộc lĩnh vực phát triển hạ tầng đô thị. Nguồn vốn này đã góp phần thay đổi bộ mặt đô thị của Việt Nam, đặc biệt là những vùng nông thôn đang trên đà đô thị hoá.

Nguồn lực của các địa phương: Cần có các chính sách tạo điều kiện cho các địa phương huy động được nhiều vốn hơn từ các nguồn như: quỹ phát triển đô thị, phát hành trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình và vốn vay từ các ngân hàng thương mại... Hoàn thiện cơ chế huy động vốn từ quỹ đất, vốn đóng góp từ cộng đồng ...

Nguồn lực ngân sách nhà nước: Tập trung nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn ngân sách đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển kinh tế. Có kế hoạch ngân sách và cơ chế quốc gia hỗ trợ các dự án trọng điểm tạo động lực phát triển đô thị.

Nguồn lực đầu tư từ các tổ chức cá nhân: Tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư. Tạo môi trường mở và thân thiện với các hoạt động sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc bảo vệ môi trường.

IV. Các giải pháp cần sự phối hợp giữa các Bộ ngành và các bên liên quan

Trong vài ba năm trở lại đây, đặc biệt là từ đầu năm 2008 đến nay, mặc dầu nền kinh tế nước ta chịu nhiều sự tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, hầu hết các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội phải điều chỉnh giảm so với năm trước nhưng Nhà

nước vẫn cố gắng dành một khoản vốn ngân sách thích đáng để cải tạo, mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất các đô thị, nhất là những đô thị lớn, đô thị mới hình thành.

Ngày 07/04/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 445/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050. Với mục tiêu quy hoạch là từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị Việt Nam phát triển theo mô hình mạng lưới đô thị; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại; có môi trường và chất lượng sống đô thị tốt; có nền kiến trúc đô thị tiên tiến, giàu bản sắc; có vị thế xứng đáng, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, khu vực và quốc tế.

Từ nay đến 2015 ưu tiên phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng đô thị lớn và các khu kinh tế tổng hợp đóng vai trò là cực tăng trưởng chủ đạo cấp quốc gia. Từ năm 2016 đến 2025 ưu tiên phát triển các vùng đô thị hóa cơ bản, giảm thiểu sự phát triển phân tán, cục bộ; đầu tư xây dựng, nâng cấp các đô thị đóng vai trò là trung tâm vùng, tiểu vùng. Giai đoạn từ năm 2026 đến 2050 chuyển dần sang phát triển theo mạng lưới đô thị.

Thực trạng phát triển đô thị hiện đã có nhiều thay đổi, nhiều đô thị đã phát triển và mở rộng vượt ra ngoài các dự báo về tăng trưởng dân số, nhu cầu sử dụng đất, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội.

Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 5. Để tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành Bộ Xây dựng đã khẩn trương chủ trì dự thảo Nghị định về lập thẩm định phê duyệt quy hoạch đô thị, Nghị định quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị, Nghị định quản lý không gian ngầm và xây dựng công trình ngầm cùng các Thông tư hướng dẫn kèm theo để trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền trong thời gian tới.

Cần sử dụng nguồn vốn ngân sách vào các dự án có khả năng kích thích các nguồn tài chính khác như: lập quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng diện rộng bảo vệ môi trường và các công trình không có khả năng thu hồi vốn.

Tạo môi trường khuyến khích phù hợp để thu hút tư nhân đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Để thu hút vốn, các dịch vụ hạ tầng đô thị phải xây dựng được uy tín tín dụng, cách tốt nhất là được đánh giá tín dụng từ các cơ quan độc lập. Các hoạt động dịch vụ hạ tầng đô thị phải trở nên minh bạch hơn và được kiểm toán độc lập.

Phối hợp giữa các Bộ và các bên liên quan xây dựng những quy định cơ bản định hướng cho quan hệ đối tác giữa công và tư để tránh những mâu thuẫn quyền lợi, xây dựng lòng tin đối với những đối tác góp vốn.

Giá trị quyền sử dụng đất và các bất động sản khác là một nguồn thu tiềm năng. Đấu giá các quỹ đất hai bên đường này để đầu tư xây dựng đường, hạ tầng kỹ thuật đi kèm và trong rất nhiều trường hợp có thể dùng kinh phí dôi ra để đầu tư xây dựng hệ thống các công trình phúc lợi công cộng.

Tạo nguồn vốn đầu tư thông qua phát hành trái phiếu phát triển đô thị. Thành lập quỹ phát triển hạ tầng của tỉnh tập trung vào cho vay dựa trên các điều khoản thương mại đầy đủ, có thể cho vay toàn bộ hoặc kết hợp với tài trợ từ một nguồn tài chính khác.

Khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động tự cải thiện môi trường sống trong khu dân cư theo mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Người dân tự nguyện giải phóng quỹ đất để xây dựng đường xá, hạ tầng, thậm chí tự bỏ kinh phí xây dựng đường. Nhà nước chỉ bỏ kinh phí đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng của quá trình này nhưng không được hưởng lợi và có thể hỗ trợ một phần chi phí xây dựng hạ tầng.

Phạm Quốc Tuấn

*Phó Vụ trưởng Vụ Kết cấu HT & ĐT -
Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Quy hoạch phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội

Hà Nội sắp kỷ niệm 1000 năm tuổi - là một trong những đô thị có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời trên thế giới. Nghị quyết 15/BCT năm 2000 và Pháp lệnh Thủ đô đã nêu rõ: “Hà Nội là trái tim cả nước - trung tâm đầu não, chính trị hành chính Quốc gia. Trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch Quốc tế”. Từ năm 1954 trở lại đây, Thủ đô Hà Nội đã trải qua nhiều lần lập và điều chỉnh quy hoạch tổng thể cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn lịch sử: thời kỳ 1954 - 1981 (sau giải phóng Thủ đô), thời kỳ 1960 - 1964 (thời kỳ kế hoạch hoá 5 năm đầu tiên sau đó dừng lại do chiến tranh phá hoại), thời kỳ 1976-1981 (sau thống nhất đất nước), thời kỳ 1986 - 1992 (thời kỳ đổi mới toàn diện nền kinh tế đất nước sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa), thời kỳ 1998 đến nay (đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước); theo đó địa giới hành chính Hà Nội cũng được thay đổi: năm 1961, Nghị quyết Quốc hội mở rộng địa giới hành chính Hà Nội lần I với diện tích 565km²; năm 1978, Nghị quyết Quốc hội mở rộng địa giới hành chính Hà Nội lần II với diện tích 2136km²; năm 1991, Nghị quyết Quốc hội thu hẹp địa giới hành chính Hà Nội còn 921km². Năm 1998 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 làm cơ sở định hướng không gian cho Thủ đô phát triển đúng hướng, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững đạt hiệu quả cao trên cả 3 lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường, là đô thị phát triển thịnh vượng, có sức cạnh tranh cao trong nước, khu vực và Quốc tế, có chất lượng cuộc sống tốt, khả năng cạnh tranh tốt, quản lý tốt và nền tài chính tốt. Năm 2008, Quốc hội đã Quyết nghị việc mở rộng địa giới hành chính Hà Nội với diện tích 3.374,72km².

**KTS. Nguyễn Thế Thảo - Ủy viên TƯ Đảng
Phó Bí thư Thành uỷ - Chủ tịch UBND TP. Hà Nội**

Sau 10 năm thực hiện bộ mặt đô thị đã có những thay đổi đáng kể cả về quy mô và chất lượng đô thị. Tuy nhiên Thủ đô đang đứng trước những khó khăn và thách thức mới đó là:

- Dân số Thành phố Trung tâm tăng nhanh, vượt quá so với dự báo quy hoạch được phê duyệt do tăng cơ học từ ngoại thành và các tỉnh xung quanh di dân tự do, sinh viên tốt nghiệp ở lại Hà Nội, điều động cán bộ, lao động thời vụ... và do mở rộng địa giới nội thành đưa dân cư và đất nông nghiệp vào đô thị.

- Chưa hình thành được các trung tâm hành chính, thương mại, ngân hàng, dịch vụ Quốc tế để làm thay đổi căn bản bộ mặt kiến trúc đô thị.

- Quy mô đất đai vượt nhiều so với dự báo năm 1998, Hà Nội đã phải nhiều lần báo cáo Thủ tướng cho phép điều chỉnh cục bộ.

- Tổ chức đầu mối giao thông Hà Nội còn chậm, nhất là hình thành Vành đai đầu mối của đường bộ và đường sắt vì vậy các luồng xe tải và xe quá cảnh vẫn cắt sâu vào Thành phố làm bức xúc thêm vấn đề ách tắc giao thông.

- Phân bố cơ sở sản xuất còn chưa hợp lý, yếu tố hiện đại hoá chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa phát huy được lợi thế nguồn lực chất xám của Thủ đô.

- Phát triển đô thị còn nặng về số lượng, chất lượng chưa cao và chưa đồng bộ hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật trong tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Các vấn đề bức xúc về rác thải, nước thải, nghĩa trang, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường đang là những vấn đề lớn của Thủ đô.

- Cụm đô thị đối trọng phía Bắc - Chuối đô thị đối trọng phía Tây và các đô thị vệ tinh theo quy hoạch 108/TTg chậm hình thành và phát triển, đã tạo sức ép về dân số, việc làm, cơ sở sản xuất, đào tạo... lên Thành phố Trung tâm.

- Chưa hình thành được hệ thống kiểm soát

phát triển Vùng và Thành phố Trung tâm. Hiện tượng hình thành đô thị của các Tỉnh xung quanh Hà Nội chưa theo định hướng chung vì quy hoạch Vùng Thủ đô chưa được duyệt.

Bên cạnh đó, Thủ đô Hà Nội còn đứng trước một số khó khăn và thách thức chung của Vùng Thủ đô:

+ Phân bố dân cư và phát triển đô thị có diễn biến ngoài định hướng quy hoạch, theo chiều hướng không hợp lý.

+ Vai trò đầu tàu trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc chưa đủ mạnh, khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế chưa cao. Trong điều kiện mở rộng địa giới hành chính Thủ đô thách thức sẽ còn lớn hơn.

+ Dư thừa lao động trong Vùng quá lớn, chênh lệch về phát triển (đô thị hoá) và mức sống trong Vùng còn khá lớn là nguyên nhân chính dẫn đến di dân cơ học vào Thành phố Trung tâm, gây sức ép lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội, nguy cơ phá vỡ các giá trị văn hoá và mất cân bằng sinh thái, phát triển không bền vững.

+ Hình thành phát triển không gian đô thị có nguy cơ lệch hướng không kiểm soát được do quy hoạch Vùng chậm được phê duyệt và triển khai, làm cơ sở pháp lý kiểm soát phát triển Vùng dẫn đến nguy cơ phá vỡ các định hướng chiến lược phát triển đô thị trong Vùng và thành phố Trung tâm. Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg về định hướng phát triển các đô thị Việt Nam đã nêu rõ "Các đô thị lớn - như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh phải được tổ chức thành các chùm đô thị, có vành đai xanh bảo vệ để hạn chế tối đa sự tập trung dân số, cơ sở kinh tế và phá vỡ cân bằng sinh thái, tránh sự hình thành các siêu đô thị", thực tế các cửa ô Hà Nội đang bị vây lấp, phá vỡ vành đai xanh xung quanh Thành phố, các đô thị trải dài dọc theo trục hướng tâm vào Trung tâm Thành phố nối liền với các đô thị đối trọng vệ tinh trong Vùng nguy cơ sẽ hình thành siêu đô thị.

Để giải quyết các khó khăn hiện nay cho Hà

Nội và để tiếp tục hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững đạt hiệu quả cao trên cả 3 lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường - là đô thị phát triển thịnh vượng, có sức cạnh tranh cao trong nước, khu vực và quốc tế, có chất lượng cuộc sống tốt, khả năng cạnh tranh tốt, quản lý tốt và nền tài chính tốt, ngày 29/5/2008 Quốc hội đã thông qua việc mở rộng địa giới hành chính Hà Nội lần 3, qua đó Hà Nội đã được mở rộng với diện tích 3.344,7km² (gấp trên 3 lần). Với việc mở rộng như vậy, Hà Nội có điều kiện thuận lợi để thực hiện mục tiêu đặt ra, để quy hoạch đảm bảo tính ổn định, bền vững, hướng điều chỉnh quy hoạch tổng thể sẽ là:

- Với tầm nhìn rộng hơn về không gian, xa hơn về thời gian quy hoạch tổng thể, Thủ đô cần khẳng định vai trò, vị trí, chức năng của Thủ đô như Nghị quyết 15/BCT và 6 mục tiêu phát triển trong Pháp lệnh Thủ đô. Hà Nội phải trở thành đầu tàu phát triển trong Vùng trọng điểm Bắc bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng.

- Đặt quy hoạch tổng thể Thủ đô trong mối quan hệ chung của quy hoạch Vùng Thủ đô, quốc gia, khu vực và quốc tế, biến tiềm năng lợi thế phát triển của từng địa phương thành động lực chung cùng phát triển.

- Xác định, làm rõ 2 mối quan hệ lớn: Phát triển kinh tế và giảm sức ép lên Thành phố Trung tâm.

- Xác định mô hình phát triển không gian cho Thủ đô theo hướng chùm đô thị bao gồm: Thành phố Trung tâm - Các đô thị vệ tinh - Các đô thị đối trọng. Trong đó các đô thị vệ tinh tập trung phát triển ở các cực chủ yếu:

+ Cực Tây: phát triển đô thị Hòa Lạc để tạo sức hút, sức hấp dẫn nhằm giảm áp lực cho Hà Nội về các chức năng giáo dục đào tạo, công nghệ cao, y tế chuyên sâu, các khu du lịch, và công viên nghỉ ngơi. Đây cũng là điểm cửa ngõ của Hà Nội về phía Tây nối kết với các đô thị, các khu vực phát triển kinh tế trên trục đường Hồ Chí Minh.

+ Cực Bắc: Đô thị Sóc Sơn gắn với chức

năng của cảng hàng không, trung tâm tiếp vận, trung tâm phân phối hàng hóa - đô thị dịch vụ sân bay và du lịch sinh thái.

+ Cục Nam: Đô thị Phú Xuyên với chức năng chủ đạo công nghiệp, trung tâm phân phối hàng hóa và trung tâm tiếp vận tạo cơ hội động lực phát triển cho khu vực chậm phát triển ở khu vực Ứng Hòa, Thường Tín và Mỹ Đức.

- Trên cơ sở các cực phát triển đô thị, hình thành các khung hạ tầng kỹ thuật liên kết nhanh tạo thành các trục hành lang kinh tế hỗ trợ cho đô thị hạt nhân của Hà Nội trong đó:

+ Trục phía Bắc: Đẩy mạnh các hoạt động thương mại dịch vụ, hậu cần, trung tâm phân phối hàng hóa, du lịch, trung tâm vui chơi giải trí cao cấp gắn với cửa ngõ hàng không tạo động lực mới cho phía Bắc.

+ Trục Láng - Hòa Lạc: Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, công nghệ, viện nghiên cứu và các dịch vụ du lịch.

+ Trục phía Nam: Hành lang kỹ thuật Quốc gia (đường sắt, đường bộ, đường sông) gắn với hệ thống các khu công nghiệp, trung tâm tiếp vận, khu vực chuyển tiếp phía Nam Hà Nội theo Quốc lộ 1A vào các tỉnh phía Nam.

+ Trục phía Đông: Hành lang công nghiệp và kỹ thuật Quốc gia (đường sắt, đường bộ, đường sông) theo Quốc lộ 18, Quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng ra cảng biển.

+ Trục giao thông thủy dựa trên sông Hồng gắn với cảnh quan chính của Thủ đô.

- Xây dựng mối liên kết giữa đô thị hạt nhân với các đô thị vệ tinh, giữa đô thị với các vùng nông nghiệp nông thôn, cụm làng nghề, cụm dân cư nông thôn.

- Quan tâm đến nông nghiệp - nông thôn: Xác định rõ hướng và mô hình phát triển các cụm làng nghề, các điểm dân cư nông thôn; các trung tâm, trung tâm làng nghề; Các liên kết về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kinh tế giữa các đô thị và nông thôn trên quan điểm giảm dần sự tách biệt và mất cân bằng giữa khu vực phát triển đô thị và khu vực phát triển nông thôn.

- Có Vành đai xanh bao quanh Thành phố Trung tâm để đảm bảo cân bằng, ổn định phát triển bền vững, tránh phát triển không gian Thành phố Trung tâm theo dạng hình sao kéo dài theo các trục hướng tâm không kiểm soát được. Thực hiện mục tiêu chung trong chiến lược phát triển đô thị toàn quốc (Quyết định 10/TTg), hình thành vành đai xanh xung quanh Thành phố Trung tâm, hạn chế tối đa việc tập trung dân số, cơ sở kinh tế, tránh hình thành siêu đô thị.

- Hạn chế di dân cơ học về Thành phố Trung tâm bằng việc phát triển các đô thị trung gian vừa và nhỏ trên địa bàn các Tỉnh. Tạo công ăn việc làm tại địa phương (phát triển các làng nghề, các cụm công nghiệp vừa và nhỏ...)

- Xác định quy mô dân số, đất đai hợp lý cho Thành phố Trung tâm để phát triển ổn định lâu dài. Cần dựa vào hệ thống các đô thị vệ tinh và đối trọng trong Vùng để giảm sức ép lên Thành phố Trung tâm.

- Hình thành đầu mối giao thông đối ngoại (đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không) cho Thành phố Trung tâm. Hình thành đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt bao quanh Hà Nội, nhằm phân bố các luồng xe quá cảnh không vào sâu trong Thành phố, giảm ách tắc từ xa cho Hà Nội, các đô thị đối trọng và vệ tinh trong Vùng liên hệ với nhau không phải cắt qua Thành phố Trung tâm. Cần làm rõ chức năng của hệ thống giao thông nội đô (metro, BRT, UMRT), nội vùng (RER) và Quốc gia (TGV). Xác định rõ các đầu mối để khớp nối các loại hình giao thông thuận tiện và tiết kiệm thời gian nhanh nhất.

- Phân bố cơ sở sản xuất theo hướng: Thành phố Trung tâm tập trung phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn có hàm lượng chất xám cao, hạn chế phát triển các cụm công nghiệp vừa và nhỏ. Các đô thị khác trong Vùng khuyến khích phát triển các loại hình công nghiệp thu hút nhiều lao động cùng với việc phát triển mạnh các cơ sở làng nghề và tiểu thủ công

ngiệp ở địa phương khi mở rộng địa giới hành chính nhằm tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm và hạn chế di dân cơ học vào Thành phố Trung tâm. Các loại hình công nghiệp có quy mô lớn, có nhu cầu vận tải cao, công nghiệp nặng cần đưa lên hành lang 18.

- Hệ thống các cơ quan, viện nghiên cứu, trường đào tạo được rà soát phân bố lại theo hướng: Tại Thành phố Trung tâm tập trung các Viện nghiên cứu đầu ngành phát minh, sáng chế... các trường đại học, cơ sở dạy nghề cần dẫn dắt về các địa phương trong Vùng Thủ đô, giảm tải cho Thành phố Trung tâm.

- Các trung tâm y tế lớn theo hướng: Phân tán bớt ra các Tỉnh trong vùng theo hướng xã hội hoá và gắn với cảnh quan thiên nhiên, khu vực nghỉ dưỡng kết hợp chữa bệnh dịch vụ y tế chất lượng cao.

- Sông Hồng là một thắng cảnh đẹp của Thủ đô, cần phải được nghiên cứu bài bản, đồng bộ và toàn diện gắn với tổng thể chung của Thủ đô. Khai thác yếu tố cây xanh - mặt nước - văn hoá làm bật lên trục không gian chính của Thủ đô gắn với trục Cổ Loa - Hồ Tây tạo thành trọng tâm bố cục không gian cho mặt bằng Thành phố. Hình thành hệ thống trung tâm công cộng lớn của Thành phố cả phía Bắc và phía Nam sông Hồng trong một tổng thể chung thống nhất.

- Xác định các khu vực đặc thù của Thủ đô như: Phố cổ, Phố cũ, Hồ Tây - Hồ Gươm - Thành Cổ - Sông Hồng - Cổ Loa, các làng nghề truyền thống... để khoanh vùng kiểm soát phát triển và giữ được nét đặc trưng văn hoá riêng của Hà Nội.

- Hệ thống cây xanh công viên cũng cần được hình thành và xác định rõ trên cơ sở các công viên nội đô - công viên ven đô - phục vụ sinh hoạt nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, văn hoá, thể thao ngắm cảnh kết hợp với vành đai xanh tạo thành các nêm cây xanh đưa sâu vào thành phố Trung tâm.

- Các vùng thắng cảnh, nghỉ dưỡng trên phần đất mở rộng được gắn kết với du lịch nghỉ

ngơi cuối tuần của Hà Nội đồng thời phát triển các làng nghề sẵn có để tạo việc làm và hấp dẫn du lịch Thủ đô phát triển.

- Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật cần được xác định cụ thể trong Vùng Thủ đô, vấn đề rác thải, trạm xử lý nước thải, cấp nước sạch để giải quyết những bức xúc của Thủ đô và các Tỉnh trong Vùng cùng phát triển ổn định, bền vững.

Trải qua quá trình phát triển lâu dài, đô thị Hà Nội nói riêng đã thực sự đóng vai trò trung tâm phát triển Vùng đồng bằng Bắc Bộ và cả nước - bộ mặt đô thị ngày một biến đổi theo hướng hiện đại nhưng vẫn mang được sắc thái riêng, đặc trưng.

Hiện nay, vai trò của công tác quy hoạch đã được xác định đúng với bản chất của nó trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Tính khoa học và khả thi của đồ án quy hoạch không chỉ đơn thuần thỏa mãn yêu cầu của một mục tiêu văn hóa, xã hội hay hiệu quả kinh tế nào đó mà còn có ý nghĩa quan trọng hơn trong phát triển trường tồn, bền vững cho đô thị. Sự sai lầm của một định hướng quy hoạch hay quy hoạch chi tiết cụ thể không dễ được điều chỉnh mà phải dành cả thời gian dài, thậm chí qua nhiều thế hệ, nhiều công sức mới khắc phục được.

Đến nay, xét về phương diện nghiên cứu, việc lập đồ án quy hoạch còn tiếp tục phải cải tiến nhưng về tổng thể, đồ án Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đã làm một cách bài bản, có tính khoa học và tập trung trí tuệ của các chuyên gia có trình độ trong và ngoài nước. Tôi tin tưởng với cách làm, cách đặt vấn đề như vậy, quy hoạch này sẽ có chất lượng và tính thực tiễn cao, đảm bảo đi vào cuộc sống với mục tiêu phát triển bền vững cho Thủ đô thân yêu của chúng ta nói riêng và với đất nước nói chung.

(Tham luận tại Hội nghị Đô thị toàn quốc ngày 6/11/2009 tại Hà Nội)

Chương trình xây dựng phát triển bền vững đô thị Cần Thơ

Chặng đường 10 năm từ 1999 đến 2009 là một giai đoạn hết sức ý nghĩa đối với sự nghiệp phát triển đô thị tại thành phố Cần Thơ. Đây được xem là giai đoạn bản lề tạo cơ sở để Cần Thơ tiếp tục phát triển nhanh hơn, xa hơn để hoàn thành nhiệm vụ xây dựng thành phố "cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020, là một cực phát triển, đóng vai trò động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của toàn vùng" được đề ra tại Nghị quyết 45/NQ-TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Với sự quan tâm và giúp đỡ từ Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và sự nỗ lực của chính quyền, nhân dân địa phương, trong 10 năm qua, thành phố đã gặt hái được nhiều thành công, xây dựng Cần Thơ từ đô thị loại II trực thuộc tỉnh trở thành đô thị, thành phố loại I trực thuộc Trung ương.

Là thành phố trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long về mặt địa lý, Cần Thơ được hình thành và xây dựng trên bờ Nam sông Hậu là một nhánh thuộc khu vực hạ lưu của sông Mê Kông. Trên cơ sở hệ thống giao thông đường bộ quốc gia và hệ thống giao thông thủy rộng khắp, Cần Thơ đã trở thành điểm kết nối giữa các khu vực của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thành phố Cần Thơ hiện nay có diện tích tự nhiên là 1.401 km² được chia ra 05 quận nội thành bao gồm: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn và Thốt Nốt; và 04 huyện ngoại thành gồm Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ và Vĩnh Thạnh.

Đánh giá về tình hình phát triển đô thị của thành phố Cần Thơ từ năm 1999-2009 có các nét chính cụ thể như sau:

- Về tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng GDP của thành phố Cần Thơ trong 10 năm qua luôn duy trì ở mức độ cao và ổn định trong khoảng tăng 15% hàng năm.

Với nền tảng kinh tế của thành phố chủ yếu từ nông nghiệp trong thập niên 80-90, nay Cần Thơ đã có sự chuyển biến rõ rệt. Khu vực II và III bao gồm công nghiệp, xây dựng thương mại dịch vụ đã trở thành khu vực chính đóng góp vào GDP chung của thành phố. Đặc biệt quá trình tăng trưởng trên có sự gắn kết và hỗ trợ giữa nông thôn và thành thị, tạo sự phát triển đồng bộ giữa 02 khu vực.

- Về dân số và đô thị hóa, trong những năm 2000, dân số tại khu vực nông thôn khoảng 730 ngàn dân, chiếm tỷ lệ 68% và khu vực thành thị là 350 ngàn dân, chiếm tỷ lệ 32%. Đến nay dân số đô thị khoảng 630 ngàn người chiếm 52,5% nhiều hơn số dân sống ở vùng nông thôn hiện còn khoảng 570 ngàn người chiếm tỷ lệ 47,5%. Ngoài ra tại khu vực đô thị luôn có khoảng 200 ngàn dân tạm trú và khách vắng lại.

Xu hướng làm việc trong các đô thị lớn hiện diễn ra phổ biến, việc đô thị hóa tại các đô thị như ở thành phố Cần Thơ cũng hình thành một bộ phận người dân phải chuyển đổi từ lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Thực hiện theo chính sách của nhà nước, thành phố đã có sự định hướng, tái đào tạo, giới thiệu việc làm cho người dân, hàng năm có khoảng 40.000 người được đào tạo nghề, chuyển đổi nghề.

Trong 10 năm qua, đặc biệt là từ năm 2002, tốc độ đô thị hóa của thành phố là rất nhanh. Tính toán về quá trình đô thị hóa dựa trên dân số đô thị, có thể thấy qua mức độ đô thị hóa từ 32% năm 2000 đến nay là 52,5%. Sự phát triển của đô thị theo quy hoạch đã từng bước làm thay đổi bộ mặt đô thị, đặc biệt làm thay đổi nhận thức của người dân trong việc tuân thủ quy hoạch xây dựng, giúp người dân cảm nhận được các giá trị về môi trường, giá trị của đô thị phát triển có định hướng.

Hiện nay, quá trình đô thị hóa của Cần Thơ chưa có những ảnh hưởng lớn đến diện tích đất nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa. Đô thị phát

triển chủ yếu theo hướng cải tạo khai thác và lấp đầy khu vực nội thị hiện hữu tại các khu đất chưa sử dụng hoặc chưa khai thác hiệu quả. Năm 2000 tổng diện tích đất gieo trồng khoảng 236 ngàn ha trong đó đất lúa là 209 ngàn ha. Đến năm 2008 tổng diện tích đất gieo trồng tăng lên 251 ngàn ha trong đó đất lúa là 218 ngàn ha tăng 4,3% so với năm 2000. Tuy nhiên trong nhiều năm tới Cần Thơ sẽ phải cân nhắc để chuyển đổi một số khu vực đất nông nghiệp kém hiệu quả để phục vụ quá trình đô thị hóa.

- Về sử dụng đất, việc thành phố giảm thiểu được tỷ lệ đô thị hóa dạng tự phát đã góp phần phát triển đô thị trên cơ sở sử dụng tốt và hiệu quả quỹ đất. Các đồ án quy hoạch được lập đã góp phần hạn chế sự xây dựng tự phát và không theo những quy định chung. Đối với khu vực chưa có các dự án đầu tư cụ thể, thành phố quản lý theo quy hoạch chi tiết 1/2000 nên vừa tạo điều kiện cho người dân tạm thời khai thác quỹ đất và đảm bảo không ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển của thành phố. Các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chỉ được lập khi có nhà đầu tư vào thực hiện dự án. Chủ trương của thành phố hiện nay là khuyến khích xây dựng cao tầng dạng đô thị nén để dành tỷ lệ lớn đất cho cây xanh, mặt nước, giảm thiểu diện tích đất xây dựng đô thị.

- Về nhà ở và hạ tầng đô thị, những năm qua các dự án lớn của Chính phủ về công trình hạ tầng đầu mối như giao thông, điện, cảng trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của các đô thị trong vùng. Tại thành phố Cần Thơ đã triển khai nhiều dự án xây dựng Khu đô thị mới, khu dân cư mới, kết hợp với việc nâng cấp chỉnh trang khu vực dân cư hiện hữu. Khu dân cư được bổ sung các công trình hạ tầng xã hội, cây xanh mặt nước với tỷ lệ nhiều hơn. Các công trình giáo dục, y tế, cây xanh, thể dục thể thao được xây dựng, cải tạo để đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Từng bước xây dựng hoàn thiện hệ thống đường giao thông, giao thông công cộng, hệ thống thu gom và xử lý rác, xử lý nước thải.

Hiện thành phố Cần Thơ đang triển khai và xã hội hóa việc triển khai các khu dân cư - tái định cư quy mô lớn, đây sẽ là các khu vực đô thị mới, hiện đại, có môi trường sống tốt đảm bảo nhu cầu về định cư và tái định cư cho người dân thành phố và sẽ trở thành hình ảnh khu ở tiêu biểu của thành phố.

Mặc dù hạ tầng kỹ thuật và xã hội đã có những bước phát triển đáng kể, tuy nhiên Cần Thơ trong những năm tới rất cần nguồn kinh phí lớn, đặc biệt là vốn ngân sách để tiếp tục phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội chính của đô thị, xây dựng quỹ nhà ở tái định cư để tạo sự chủ động trong quá trình phát triển đô thị và tạo tiền đề thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư tại thành phố.

Cũng như các đô thị trên cả nước, những năm qua quá trình phát triển đô thị của thành phố Cần Thơ luôn phải giải quyết nhiều tồn tại về đất đai, giải phóng mặt bằng, giải quyết lợi ích của người dân, chuyển đổi và ổn định công ăn việc làm của người dân trong khu vực triển khai dự án.

Vấn đề nâng cấp chỉnh trang khu vực đô thị cũ và tăng cường kiểm soát, cải thiện chất lượng môi trường đô thị cũng cần có nhiều thời gian để xây dựng hoàn thiện.

Từ thực tiễn 10 năm phát triển đô thị của Thành phố Cần Thơ cho thấy cần có những định hướng và giải pháp phù hợp để sự phát triển đô thị những năm tiếp theo mang tính bền vững. Trên cơ sở đó, thành phố đang tiến hành nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung cho phù hợp với vai trò mới của thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, vai trò của một cực phát triển trong vùng kinh tế trọng điểm, có khả năng ứng phó tốt với biến đổi khí hậu và định hướng đô thị phát triển bền vững.

Đi vào vấn đề phát triển đô thị bền vững, việc đáp ứng nhu cầu hôm nay và đảm bảo cho thế hệ tương lai luôn được thành phố quan tâm, thể hiện trong định hướng quy hoạch phát triển đô thị có sự cân bằng hữu cơ giữa các yếu tố kinh tế, môi trường, và an sinh xã hội. Trên cơ

sở đó lợi ích kinh tế của các dự án phát triển đô thị luôn được xem xét cân đối với lợi ích công cộng, lợi ích của người dân, lợi ích trước mắt và lâu dài. Qua thực tiễn, việc giải quyết cân đối các lợi ích, các mâu thuẫn là cốt lõi để đảm bảo đô thị phát triển bền vững và ổn định, trong đó nhà nước đóng vai trò chính làm đại diện cho quyền lợi của người dân và cộng đồng để đảm bảo lợi ích cho các bên.

Để có cơ sở phát triển bền vững, thành phố Cần Thơ đã tổ chức khá nhiều các nghiên cứu, đánh giá về các vấn đề có liên quan như biến đổi khí hậu, năng lượng, môi trường cảnh quan. Thành phố cũng đã được nhiều tổ chức quốc tế hỗ trợ và tham gia đóng góp vào các vấn đề phát triển bền vững của thành phố.

Để đảm bảo cho các đô thị phát triển bền vững cần xây dựng một chiến lược phát triển với tầm nhìn dài hạn và ở mỗi giai đoạn 5 năm, 10 năm cần xác định, xây dựng và tập trung phát triển đô thị bền vững theo các tiêu chí cụ thể phù hợp cho từng thời kỳ. Trong giai đoạn hiện nay, Cần Thơ sẽ tập trung vào các tiêu chí về kinh tế, môi trường và an sinh xã hội.

- Về kinh tế, phát triển đô thị luôn là một phần quan trọng trong phát triển chung về kinh tế. Với xuất phát điểm khá thấp, các đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long rất cần một sự đột phá lớn trong phát triển kinh tế. Trong đó rõ ràng cần có sự phát triển đồng bộ và hỗ trợ lẫn nhau giữa nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Khi đã có nền kinh tế vững chắc thì quá trình xây dựng đô thị bền vững sẽ có nhiều thuận lợi hơn, ở đây không có nghĩa là phải phát triển kinh tế bằng mọi giá mà bỏ qua các vấn đề bền vững khác.

Để phát triển hài hòa và cân bằng giữa các lợi ích, sự ưu tiên cho phát triển kinh tế liên quan đến đô thị được đặt trong sự kiểm soát chủ động của chính quyền. Nghĩa là chính quyền thành phố hiểu rõ tác động, ảnh hưởng của một dự án cụ thể nào đó đến sự bền vững chung của đô thị, hiểu rõ sự cần thiết phải thực hiện dự án, hiểu rõ các giải pháp để giảm thiểu

các tác hại đến đô thị trong thời gian tồn tại của dự án và giải pháp tái tổ chức không gian trong tương lai.

Việc khai thác sử dụng đất phải được xem xét để có tính hiệu quả cao nhất, tránh đô thị hóa tràn lan, hạn chế việc chuyển đổi đất nông nghiệp. Tuy nhiên không thể tránh được việc chuyển đổi một phần khu vực nông nghiệp trở thành đô thị đối với các đô thị đang bắt đầu giai đoạn phát triển như thành phố Cần Thơ.

- Về môi trường, thành phố quan tâm đến việc giữ gìn cảnh quan sông rạch tự nhiên, cây xanh đô thị và sử dụng năng lượng trong đô thị. Trên cơ sở đó, các dự án, các đồ án quy hoạch đều phải đảm bảo và vượt chỉ tiêu đất cây xanh theo quy định. Các kênh rạch luôn được cân nhắc xem xét về việc giữ lại cải tạo hay lấp đi. Đây là vấn đề chung của các đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi hệ thống sông, kênh rạch vừa là cảnh quan vừa là hệ thống giao thông cực kỳ quan trọng, vừa là nguồn nước, nguồn sống của rất nhiều cư dân vùng đồng bằng.

Vấn đề biến đổi khí hậu được dự báo là sẽ gây ảnh hưởng lớn đến vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nước biển dâng, nhiệt độ tăng, lượng mưa thay đổi sẽ ảnh hưởng đến các đô thị và vùng sản xuất nông nghiệp. Đây là vấn đề lớn cấp quốc gia, Chính phủ cũng đã có sự quan tâm và triển khai nghiên cứu các giải pháp chung.

Phát triển đô thị cần hạn chế sử dụng năng lượng để giảm thiểu phát thải khí gây ô nhiễm môi trường. Đô thị chính là trung tâm sử dụng năng lượng lớn, trong đó năng lượng sử dụng trong giao thông chiếm tỷ lệ quan trọng và là nguyên nhân chính gây ô nhiễm đô thị hiện nay. Vì vậy quy hoạch phát triển đô thị cần xem xét rất kỹ về hệ thống giao thông, bán kính phục vụ hợp lý, tăng cường giao thông công cộng để tiết kiệm được thời gian và phương tiện di chuyển. Đồng thời cần phát triển đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật để sớm hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý rác, nước thải.

Về an sinh xã hội, trong quá trình phát triển đô thị, thành phố luôn hướng đến một hệ thống

công trình hạ tầng xã hội chất lượng để đảm bảo phục vụ người dân. Tạo sự cân bằng hài hòa về lợi ích của người dân trong quá trình phát triển đô thị, để người dân là đối tượng được hưởng lợi nhiều nhất từ sự phát triển của đô thị. Trong giai đoạn hiện nay, quá trình phát triển đã ảnh hưởng và làm thay đổi ít nhiều về nơi cư ngụ, việc làm, sinh hoạt của một bộ phận người dân, trong đó thành phố đặc biệt quan tâm đến bộ phận người dân chuyển đổi từ nông thôn ra thành thị, chuyển đổi từ lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Một mặt trong môi trường mới người dân được tiếp cận tốt hơn về giáo dục, y tế, và các dịch vụ, hạ tầng đô thị được xây dựng tốt hơn. Mặt khác, thành phố chú trọng vào việc đào tạo và định hướng chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân trong độ tuổi lao động để có thể hòa nhập tốt hơn vào đời sống đô thị.

Sự phát triển đô thị phải được gắn kết với phát triển nông thôn. Ở đây, thành phố đặc biệt chú ý phát triển các khu chức năng trong đô thị có thể hỗ trợ cho nông thôn cũng như phát triển nông thôn để hỗ trợ cho hoạt động của đô thị.

Mục tiêu lớn thành phố đang thực hiện là hiện đại hóa nông thôn, trong đó ngoài sự hỗ trợ của khu vực đô thị từ công nghệ, thiết bị sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thành phố đã và đang xây dựng bê tông hóa các cầu đường giao thông nông thôn để nối kết chặt chẽ vùng nông thôn và thành thị. Phát triển các vùng tiểu thủ công nghiệp, du lịch sinh thái, để khuyến khích nông dân vừa sản xuất nông nghiệp vừa đa dạng hóa ngành nghề và tăng thu nhập tại địa phương.

Quá trình phát triển đô thị của thành phố Cần Thơ trong 10 năm qua đã tạo ra những thay đổi tích cực trong các mặt về kinh tế - xã hội, góp phần thiết thực trong sự phát triển chung của thành phố. Là một thành phố đang phát triển, năng động, Cần Thơ sẽ tiếp tục nỗ lực để phát triển đô thị theo hướng bền vững, gắn kết hài hòa giữa tính hiện đại và bản sắc của đô thị sông nước, đảm bảo các tiêu chí về kinh tế, môi trường và an sinh xã hội./.

(Tham luận của UBND thành phố Cần Thơ tại Hội nghị đô thị toàn quốc 2009)

Thực trạng và giải pháp quản lý chất thải rắn ở các đô thị Việt Nam

1. Mở đầu

Quá trình đô thị hoá ở các đô thị phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đang đặt ra những vấn đề bất cập trong công tác quản lý chất thải rắn. Công tác đánh giá hiện trạng và tìm kiếm các giải pháp tháo gỡ là nhiệm vụ quan trọng hiện nay.

2. Hiện trạng quản lý chất thải rắn đô thị hiện nay

2.1. Khối lượng phát sinh chất thải

2.1.1. Phát sinh chất thải sinh hoạt đô thị

Theo nghiên cứu của Bộ Xây dựng (Diễn đàn phát triển đô thị bền vững 2009) và Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia - Ngân hàng thế giới 2005, lượng chất thải sinh hoạt đô thị tại thời điểm 2004 là 12,8 triệu tấn/năm. Với

tỷ lệ gia tăng chất thải bình quân 7-10%/năm, theo dự báo nêu trên, đến năm 2010 tổng lượng chất thải sinh hoạt đô thị xấp xỉ 20 triệu tấn, dự báo đến năm 2020 khối lượng rác thải sinh hoạt đô thị toàn quốc sẽ là trên 40 triệu tấn.

Nguồn phát sinh chất thải rắn đô thị tập trung chủ yếu ở hai thành phố lớn là Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, tuy chỉ chiếm 24% dân số cả nước nhưng tại thời điểm hiện nay lại phát sinh khoảng 8 triệu tấn chất thải mỗi năm, chiếm trên 40% tổng số chất thải của cả nước.

2.1.2. Phát sinh chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại

Theo số liệu thống kê năm 2005 thì tổng khối lượng chất thải công nghiệp phát sinh tại Việt Nam là 2.911.700 tấn, trong đó khối lượng

chất thải nguy hại là 175.000 tấn. Khối lượng chất thải công nghiệp phát sinh tại các Khu công nghiệp, Khu chế xuất là 1.200.000 tấn. Ngành Công nghiệp nhẹ phát sinh nhiều chất thải nguy hại nhất với tỷ lệ khối lượng chất thải nguy hại/ chất thải công nghiệp là 25%.

Khoảng 80% chất thải công nghiệp phát sinh mỗi năm là từ các trung tâm công nghiệp lớn ở miền Bắc và miền Nam. Trong đó, 50% lượng chất thải công nghiệp của Việt Nam phát sinh ở Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, 30% còn lại phát sinh ở vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Trong khi đó, lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh từ Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội chiếm 27% tổng lượng chất thải y tế nguy hại của cả nước.

Tỷ lệ gia tăng khối lượng chất thải công nghiệp khoảng 10%/năm (tỷ lệ thuận với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế). Dự báo đến năm 2010 khối lượng chất thải công nghiệp sẽ tăng lên khoảng 4.800.000 tấn/năm và khối lượng chất thải nguy hại khoảng 630.000 tấn/năm.

2.2. Tỷ lệ thu gom

+ Đối với rác thải sinh hoạt:

Theo các nghiên cứu của Bộ Xây dựng, năm 2006 - 2007 tại 25 đô thị trong cả nước được khảo sát nghiên cứu, đại diện cho các vùng miền, tỷ lệ thu gom đạt 77,2%. Các đô thị lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh tỷ lệ thu gom đạt trên 90% đối với nội thành, và trên 70% đối với ngoại thành.

+ Đối với chất thải công nghiệp:

- Tỷ lệ thu gom với chất thải công nghiệp nói chung là 60%

- Tỷ lệ thu gom đối với chất thải công nghiệp nguy hại đạt 40%

- Tỷ lệ thu gom đối với chất thải y tế là 50%

Trong đó các đô thị lớn khối lượng thu gom được là khoảng 65%.

2.3. Phương tiện thu gom vận chuyển

Theo thống kê của Hiệp hội Môi trường Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam, cả nước hiện có trên 1 triệu phương tiện phục vụ cho công tác thu gom, vận chuyển rác thải từ các đường

phố và nhà máy đến các cơ sở xử lý. Trên 50% số phương tiện đạt các tiêu chuẩn quy định, trong đó các phương tiện thu gom vận chuyển chất thải nguy hại đạt 100% (loại phương tiện này được đăng kí riêng). Nhiều đô thị thiếu phương tiện thu gom vận chuyển, phương tiện cũ nát, cá biệt có đô thị có 2/3 số phương tiện vừa cũ nát, vừa thường xuyên hư hỏng, đang xin hỗ trợ từ các cấp có thẩm quyền.

2.4. Công tác xử lý:

2.4.1 Xử lý chất thải sinh hoạt đô thị

Trên 90% chất thải rắn đô thị được xử lý theo công nghệ chôn lấp, trong đó 60% được xử lý theo công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh (tức là ô chôn lấp được xây dựng đúng tiêu chuẩn, có lớp lót vải địa kỹ thuật, có hệ thống xử lý nước rỉ rác, hệ thống thu khí ga, có san gạt, đầm nén, phủ lớp đất hàng ngày...). Hiện cả nước có 16/69 đô thị đã xử lý theo công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh.

Toàn quốc có khoảng 20 nhà máy chế biến rác hữu cơ thành phân vi sinh, tuy nhiên do quy mô và công suất nhỏ, chưa có cơ chế bù giá sản phẩm nên các cơ sở này mới xử lý được khoảng 5% chất thải rắn đô thị. Thành phố Huế, Vinh, thị xã Sơn Tây và một số đô thị khác đã áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn theo công nghệ seraphin do các chuyên gia Việt Nam nghiên cứu giải pháp công nghệ bước đầu đã đem lại một số kết quả nhất định.

2.4.2 Xử lý chất thải công nghiệp

Hầu hết các công nghệ, phương pháp xử lý chất thải nguy hại đang áp dụng còn chưa thật an toàn. Hoạt động giám sát và cưỡng chế áp dụng các tiêu chuẩn môi trường đối với các cơ sở công nghiệp cũng như các cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải còn rất yếu kém. Chất thải rắn được xử lý tại các nhà máy công nghiệp chủ yếu chỉ bằng các thiết bị đơn giản hoặc đổ lẫn vào chất thải sinh hoạt. Số doanh nghiệp ký hợp đồng xử lý chất thải rắn với các đơn vị xử lý chất thải chuyên ngành không nhiều, chỉ khoảng 20 - 30% dẫn đến vấn đề xử lý và quản lý, thống kê số liệu còn bất cập.

Chất thải công nghiệp nguy hại phát sinh từ các KCN lớn thường được xử lý ngay tại chỗ bằng các lò đốt đơn giản hoặc các loại nồi hơi công nghiệp hoặc chuyển đến các cơ sở xử lý chất thải có quy mô tư nhân để xử lý bằng phương thức tái chế hoặc đốt với chi phí thấp, phần còn lại hiện vẫn đang được lưu giữ tại kho của các cơ sở sản xuất. Chất lượng xử lý tại các cơ sở này nói chung chưa đạt yêu cầu, đặc biệt là với chất thải nguy hại. Những phương thức xử lý này không tránh khỏi những rủi ro và tác động tới môi trường và sức khỏe con người. Các cơ sở công nghiệp quy mô vừa và nhỏ thậm chí còn ít có điều kiện lựa chọn công nghệ xử lý thích hợp. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân vận hành chưa đáp ứng được so với yêu cầu của công tác quản lý chất thải công nghiệp nói chung và chất thải công nghiệp nguy hại nói riêng.

Hiện nay toàn quốc có khoảng 50 cơ sở được cấp phép vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với công nghệ xử lý rất đa dạng, đã giải quyết được 60% chất thải công nghiệp, đặc biệt là chất thải công nghiệp nguy hại.

Tại Tp. Hồ Chí Minh có một số cơ sở đầu tư lớn, xử lý bài bản tin cậy như Khu liên hợp xử lý chất rắn Tây Bắc thành phố, được đầu tư 215 tỷ đồng; dự án nâng cấp Công trường xử lý rác Gò Cát: 261,4 tỷ đồng, trong đó ngân sách thành phố chiếm 40%, nguồn ODA Hà Lan 60%. Ngoài ra, thành phố Hồ Chí Minh cũng có kế hoạch đầu tư hàng ngàn tỷ đồng để hình thành các khu liên hợp xử lý chất rắn ở xã Phước Hiệp, xã Đa Phước và xã Tân Thành, Long An.

Tại TP Hà Nội, URENCO Hà Nội hiện có 2 cơ sở:

- Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn-Sóc Sơn-Hà Nội:

Khu xử lý chất thải công nghiệp Nam Sơn (5,5ha) nằm trong Khu Liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn là cơ sở duy nhất tại Việt Nam được đầu tư đồng bộ và đang hoạt động có hiệu quả, đảm bảo xử lý chất thải công nghiệp cho Hà Nội và khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Chất thải công nghiệp tại đây được xử lý bằng nhiều công nghệ khác nhau như hoá lý, trung cất, tách lọc, đốt, lưu giữ có kiểm soát... Khu xử lý chất thải công nghiệp Nam Sơn đã và đang thực hiện các biện pháp quản lý và vận hành một cách nghiêm túc theo quy định của Nhà nước, đạt các tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và ISO 14000:2004.

- Khu xử lý chất thải Đại Đồng - Văn Lâm - Hưng Yên: có tổng diện tích 10ha, đảm bảo mục tiêu thu gom và xử lý các loại chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại của khu vực Hưng Yên và các tỉnh lân cận.

Tương tự như Khu xử lý chất thải công nghiệp Nam Sơn, tại đây đã được đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thế hệ 2 như: Lò đốt chất thải, nhà xử lý trung gian, các trạm xử lý chất thải lỏng, xử lý tái chế dầu thải, hầm lưu giữ chất thải công nghiệp... Bắt đầu đi vào hoạt động từ đầu năm 2009, khu xử lý chất thải Đại Đồng đã từng bước xử lý có hiệu quả chất thải của KCN Thăng Long giai đoạn 3, KCN Phố Nối, Cụm làng nghề Đông Mai - Chỉ Đạo... góp phần bảo vệ và giữ gìn môi trường khu vực.

2.4.3 Xử lý chất thải y tế

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội đã có cơ sở xử lý rác thải y tế tập trung cho nên căn bản giải quyết được vấn đề này, gần 100% rác thải y tế của các bệnh viện lớn ở 2 thành phố này đã được thu gom xử lý theo quy định.

Ở các đô thị khác, có 9/25 đô thị khảo sát nghiên cứu đã lắp đặt lò đốt rác y tế ngay trong khuôn viên bệnh viện, công tác duy trì vận hành thường kiểm nhiệm cho nên việc hoạt động ổn định và hiệu quả còn nhiều khó khăn.

2.5. Lực lượng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn

- Theo số liệu của Hiệp hội Môi trường đô thị và KCN Việt Nam, hiện cả nước có khoảng 250 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn. Ngoài ra còn có 50 tổ chức (hợp tác xã, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh...) và khoảng 30 cá nhân cũng tham gia công việc này.

- Có khoảng 50 doanh nghiệp tư nhân và 30 công ty cổ phần cung ứng dịch vụ môi trường.

- Đã có một doanh nghiệp nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia công tác xử lý chất thải rắn đô thị.

- Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Quảng Ninh và một số đô thị đã triển khai xã hội hóa công tác vệ sinh môi trường bước đầu có kết quả tích cực, nhiều đô thị khác đang nghiên cứu triển khai.

Đối với công tác xử lý chất thải rắn công nghiệp thì chuyển biến tích cực hơn. Có tới 70% doanh nghiệp xử lý chất thải công nghiệp là doanh nghiệp tư nhân. Ngay cả doanh nghiệp nhà nước như URENCO Hà Nội và CITENCO thành phố Hồ Chí Minh tham gia xử lý chất thải công nghiệp cũng dưới dạng công ty cổ phần nhằm huy động vốn và nguồn lực của các thành phần kinh tế khác theo chủ trương xã hội hóa công tác vệ sinh môi trường.

3. Nhận xét chung

Khối lượng phát sinh chất thải rắn là rất lớn, tỷ lệ thu gom xử lý được còn thấp, thu gom chôn lấp là chủ yếu, lực lượng thu gom vừa thiếu về phương tiện, vừa yếu về năng lực quản lý; công tác quy hoạch, công tác thực hiện kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng cho công tác chất thải rắn đô thị còn yếu, cơ chế chính sách vừa thiếu cụ thể, chưa phát huy tác dụng trong cuộc sống, công tác tuyên truyền giáo dục chưa làm được nhiều, công tác thanh kiểm tra và xử lý các vi phạm còn yếu...

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể

Hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể theo Quyết định 152/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chiến lược quản lý chất thải rắn tại các đô thị và KCN Việt Nam đến năm 2020.

Có các văn bản hướng dẫn thực hiện và cụ thể hoá Quy hoạch tổng thể xây dựng Khu xử lý chất thải rắn 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 1440/QĐ-TTg ngày 25/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ quy hoạch chung, các đô thị nhanh chóng triển khai quy hoạch cụ thể tại địa phương mình, làm cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện có phân kỳ và tiến độ hoàn thành.

4.2. Tạo nguồn tài chính

+ Ưu tiên bố trí nguồn ngân sách thỏa đáng cho công tác bảo vệ và phát triển môi trường, bố trí vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng là ưu tiên hàng đầu, chú ý xây dựng đúng tiến độ.

+ Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm dành cho sự nghiệp môi trường.

+ Sử dụng có hiệu quả vốn ODA, vốn viện trợ không hoàn lại của các nước và tổ chức quốc tế.

+ Huy động các nguồn vốn khác nhau: vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp, các cá nhân, các tổ chức xã hội tham gia lĩnh vực bảo vệ môi trường. Cho đến nay các cơ chế chính sách của nhà nước nhằm huy động mọi thành phần kinh tế tham gia công tác bảo vệ môi trường là khá đầy đủ, cần tuyên truyền, phổ biến, và cụ thể hóa để huy động nguồn vốn ngoài ngân sách.

4.3. Hoàn thiện các chính sách thuế

Sớm ban hành chính sách về thuế, chi phí, thuế môi trường phù hợp với Việt Nam, phù hợp với các đô thị, có khả năng thu được, thu đúng, thu đủ.

4.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền giáo dục để cao ý thức của mọi người, mọi đơn vị, mọi cá nhân tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác bảo vệ môi trường tại các đô thị nói riêng.

4.5. Tăng cường công tác quản lý

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, trong đó phân công, phân cấp về nhân lực, bố trí đủ cán bộ, tăng cường kiểm tra và xử phạt nghiêm khắc các vi phạm.

Chủ Văn Chùng

Phó CT Hiệp hội MTĐT và KCN Việt Nam
(Tham luận tại Hội nghị đô thị toàn quốc 2009)

Khu đô thị mới kiểu mẫu Linh Đàm - công trình kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội

Cách đây hơn 10 năm, vào ngày 15/6/1997, Khu đô thị mới Linh Đàm (KĐTMM) chính thức khởi công xây dựng trong bối cảnh công cuộc phát triển đô thị tại nước ta chưa thực sự bám theo định hướng của Chính phủ là phát triển đô thị và nhà ở theo dự án, do đó chưa xây dựng được mô hình KĐTMM đồng bộ. Khung pháp lý về phát triển nhà ở và KĐTMM cũng còn sơ sài. Hơn nữa, đúng vào thời điểm này, cuộc khủng hoảng kinh tế trong khu vực và trên thế giới cũng ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế nước ta.

Quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển đô thị "Lấy phát triển để cải tạo, phát triển các khu đô thị mới theo các dự án đầu tư đồng bộ, hiện đại, xoá bao cấp về nhà ở, chuyển sang kinh doanh theo quan điểm thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", nhất quán thực hiện quan điểm kết hợp kinh doanh với phục vụ, lấy phục vụ để phát triển, xây dựng nhà ở thấp tầng kết hợp với nhà ở cao tầng, kết hợp hài hoà lợi ích của Nhà nước, lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của người dân, quan tâm đến các đối tượng là cán bộ công nhân viên Nhà nước, TCty HUD đã vận dụng linh hoạt cơ chế chính sách của Nhà nước, đề ra các biện pháp đầu tư thiết thực để từng bước xây dựng hoàn chỉnh dự án KĐTMM Linh Đàm. Đến nay, sau hơn 10 năm đầu tư xây dựng, Linh Đàm đã trở thành một KĐTMM hiện đại kết hợp với nét đặc trưng phản ánh đặc điểm và bản sắc văn hoá dân tộc, cảnh quan đô thị hài hoà với cảnh quan chung của toàn vùng. Đặc biệt, với quy mô 184 ha nhưng diện tích cây xanh đạt hơn 31,5 ha và hồ điều hòa 74ha nên dự án có chỉ tiêu cây xanh lên đến 13m²/người. Chính nhờ những yếu tố đó, năm 2008, KĐTMM Linh Đàm được Hội Kiến trúc sư Việt Nam trao giải thưởng Công trình Kiến trúc tiêu biểu thời kỳ Đổi mới.

Với việc thực hiện dự án KĐTMM Linh Đàm, TCty HUD đã thể hiện được vai trò chủ đạo của

doanh nghiệp nhà nước trong thị trường kinh doanh bất động sản, và đặc biệt, một trong những thành quả có ý nghĩa cực kỳ quan trọng được các cấp, các ngành đánh giá cao, đó là chính tại dự án này HUD đã khởi xướng và thực hiện thành công các mô hình trong phát triển đô thị, bao gồm: mô hình KĐTMM đồng bộ, mô hình phát triển nhà ở cao tầng, mô hình dịch vụ quản lý nhà ở cao tầng và khu đô thị. Hiện nay, việc thực hiện theo các mô hình này đã được khẳng định là đúng đắn, được coi là hướng đi chủ yếu của quá trình phát triển đô thị Việt Nam. KĐTMM kiểu mẫu Linh Đàm đã hội tụ đủ 6 tiêu chí của Khu đô thị kiểu mẫu. Đó là:

Tiêu chí 1: Công tác chuẩn bị đầu tư được thực hiện bài bản, đúng quy định hiện hành

Tiêu chí 2: Các công trình được xây dựng phù hợp với quy hoạch được duyệt, tạo nên tổng thể không gian kiến trúc hài hoà, thống nhất

Tiêu chí 3: Khu đô thị được thực hiện theo phương thức đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đáp ứng được yêu cầu của người dân đến định cư ngay trong quá trình triển khai thực hiện dự án

Tiêu chí 4: Công tác quản lý dự án, xây dựng công trình đảm bảo chất lượng và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng của Nhà nước

Tiêu chí 5: Chất lượng cuộc sống và môi trường sinh thái

Tiêu chí 6: Quản lý và khai thác dịch vụ vì lợi ích cộng đồng

Ngày 22/01/2009, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 74/QĐ-BXD công nhận KĐTMM Linh Đàm là Khu đô thị kiểu mẫu. Đây là một sự kiện quan trọng, khẳng định sự công nhận của các cấp chính quyền, các tổ chức nghề nghiệp và dư luận xã hội với những thành quả mà TCty HUD đạt được trong lĩnh vực phát triển đô thị với mô hình phát triển KĐTMM nói chung và sự thành công của KĐTMM Linh Đàm nói riêng.

Bên cạnh tính ưu việt về thiết kế, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, KĐTMT Linh Đàm còn duy trì được chất lượng quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống cũng như môi trường xanh - sạch - đẹp ngay từ khi triển khai dự án và vì vậy đã tạo được sự đồng thuận của người dân, một yếu tố giúp Linh Đàm trở thành Khu đô thị kiểu mẫu. Theo Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, trong số hai KĐTMT lần đầu tiên được Bộ Xây dựng công nhận là Khu đô thị kiểu mẫu, KĐTMT Phú Mỹ Hưng tại Tp. Hồ Chí Minh là sản phẩm của liên doanh có yếu tố nước ngoài và hướng tới thị trường của người có thu nhập cao, còn KĐTMT kiểu mẫu Linh Đàm là sản phẩm của ý chí dám nghĩ, dám làm, tinh thần sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn của người Việt Nam, là kết quả của sự phát triển không ngừng nguồn nội lực trong nước, từ thiết kế, quy hoạch, quản lý đến đầu tư. Đồng thời, TCty HUD đã chú trọng mục tiêu phục vụ đối tượng là cán bộ công nhân viên chức và người dân có thu nhập trung bình. Cũng tại dự án KĐTMT Linh Đàm, chung cư cao tầng được trang bị thang máy đầu tiên đã được xây dựng, khởi xướng mô hình phát triển chung cư cao tầng có dịch vụ quản lý tại Hà Nội và nhiều địa phương trên cả nước, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và nhanh chóng tạo ra quỹ nhà ở lớn với mức giá phù hợp với đại đa số nhân dân.

Dự án KĐTMT Linh Đàm là dự án mang tính tổng thể, có ý nghĩa to lớn về kinh tế, văn hóa xã hội, đồng thời là bước đột phá tạo nên sự phát triển đô thị của khu vực cửa ngõ phía Nam Thủ đô. Bên cạnh những đóng góp về quỹ nhà ở, kết cấu hạ tầng cho Hà Nội, KĐTMT Linh Đàm còn tạo nên sự khởi đầu của mô hình phát triển nhà ở đô thị theo dự án KĐTMT đã và đang được nhân rộng tại Hà Nội và trên cả nước nhằm góp phần định hướng phát triển thị trường bất động sản và đẩy mạnh công cuộc đô thị hóa đất nước theo định hướng của Đảng và Chính phủ. Trên cơ sở đó, Hội đồng liên ngành gồm đại diện các Sở, ngành liên quan đã thống nhất và được

UBND Thành phố Hà Nội quyết định gắn biển “Công trình kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội” cho dự án KĐTMT Linh Đàm.

Theo đánh giá của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo, dự án KĐTMT Linh Đàm là một đóng góp mang ý nghĩa lịch sử trong việc tạo nên bước đột phá về phát triển đô thị tại khu vực cửa ngõ phía Nam của Thủ đô. Từ một khu vực trũng ngập, đến nay, Linh Đàm đã trở thành một KĐTMT khang trang, hiện đại, đóng góp hơn hơn 4.000 căn nhà, trong đó có hơn 3.000 căn hộ chung cư, đáp ứng Chương trình phát triển nhà ở của Hà Nội với mục tiêu giải quyết nhu cầu bức thiết về nhà ở của nhân dân. Đây cũng là dự án được xây dựng theo tiêu chí xanh - sạch - đẹp với tỷ lệ diện tích cây xanh lên đến 13m²/người.

Phát huy sự thành công của mô hình KĐTMT kiểu mẫu Linh Đàm, TCty HUD đang nghiên cứu nhân rộng mô hình ra các địa phương, đồng thời triển khai đầu tư thí điểm một số dự án tại Hà Nội theo mô hình KĐTMT đồng bộ, khép kín với đầy đủ các công trình công cộng, dịch vụ, thương mại để đáp ứng nhu cầu của người dân sinh sống tại các dự án. Tuy nhiên, để thực hiện mô hình này đòi hỏi sự tham gia của nhiều nguồn lực xã hội. TCty cũng đang nghiên cứu cơ chế tự đầu tư hoặc thu hút các chủ đầu tư thứ phát tham gia đầu tư, khai thác các công trình dịch vụ, thương mại. Đối với các công trình trường học, nhà trẻ, mẫu giáo, TCty sẽ đề xuất cơ chế, chính sách với sự tham gia của ngành giáo dục hoặc theo hình thức xã hội hóa phù hợp với điều kiện thực tế. Bên cạnh đó, các chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, cũng như hỗ trợ của Nhà nước về đầu nối giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối,... cũng là những yếu tố quan trọng đảm bảo sự thành công của mô hình mới này.

(Tham luận của TCty HUD tại Hội nghị Đô thị toàn quốc 2009)

LỄ KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHÌ

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2009



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì cho Viện VLXD



Toàn cảnh buổi Lễ